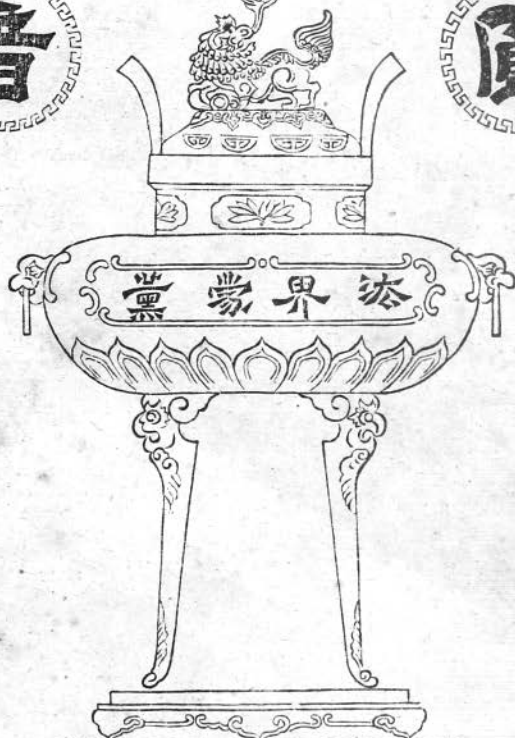


NĂM THỨ 2
Số 15

Tháng Mai
và Juin 1935

VIEN AM



不武之喜

刊月會學佛

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô Bổn-sư

Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ

Diệu-Đế tự Trụ-Tri: Giác-Tiên

Túc-Ba tự Trụ-Tri: Giác-Nhiên

{ Duyệt-y

Phật Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê-Đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

— Sự thật (Viên-Âm) 3

II. — BÌNH-NGHỊ

— Đối với bài Phật Thích-Ca dưới Kinh-Hiến-Vi
(Mai-Sơn). 4

— Nguyên-nhơn của công việc chấn-hưng Phật-
học (N. Xuân-Thanh). 10

— Đối với phần thứ hai của bài « Phong-triều
Phật-giáo phục-hưng » trong báo T.A. (Viên-Âm) . 16

III. — NGŢN-LUẬN

— Khoa-học với Phật-pháp (N. Xuân-Thanh) . . 32

IV. — Ý-KIỆN PHẢI PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

— Chị em thanh-niên có nên học Phật không?
(Diệu-Không Nữ-Sĩ) 38

V. — DIỄN-ĐÀN

— Pháp (Thích-Mật-Khế). 42

VI. — KINH HỌC

— Đại ý kinh Thũ-Lãng-Nghiêm (tiếp theo)
(Viên Âm) 50

— Kinh Thũ-Lãng-Nghiêm tiếp theo (Viên-Âm). . . 52

VII. — LUẬN HỌC

Tâm-Vương và tâm-sở (Viên-Âm). 57

VIII. — TIỂU TỨC

— Lễ cung-ngỉnh Thánh-dụ ban khen « Tiếng
chuông Sớm ». 59

— Trả lời thơ ông Thiện-Chi cư-sĩ và
ông T.T. Phan-thiết 61-64



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Hué được nghị-định quan
Toàn-quyển ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản
VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý
thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ
thêm một bài pháp-văn.

Giá nguyệt-san.....	{	mỗi năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển.....	0\$20

Hội Phật-Học tặng không nguyệt-san nầy cho các
ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có
chữn Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOAN : 5 Rue Champeau — HUÉ

Thơ từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ
Boîte postale n° 73

PHỔ - CÁO

Các ngài vì đạo-làm muốn tán thành Bản San
xin ghi tên vào tờ nguyệt-san Bulletin d'abonne-
ment, rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản-
San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các
ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san để thế
biên-lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ
quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì
không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề
tên Viên-Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gửi
thư thương lượng trước.

SỰ THẬT

Sự thật là những việc có thật dụng ; tuy đối với lối tấn-hóa của tâm-trí người, sự thật trong thời-kỳ này vị tất là sự thật trong thời-kỳ khác, những sự thật đã có thật dụng thì dầu đối với những người không muốn biết, cái thật dụng ấy nó vẫn hiển nhiên không thể bỏ qua được.

Như ngày xưa, nước ta không tin có khoa-học, cho những ông đi sứ bên Âu-Châu về nói chuyện đèn điện xe lửa là nói láo, mà ngày nay cái thiệt dụng của khoa-học nó vẫn lôi kéo chúng ta đi, chẳng vì sự không nhìn nhận đó mà bớt được chút nào !

Sự thật mỗi đời mỗi phát-minh lần : Như ngày trước tin rằng vì hơi đá và nước khe sanh ra sốt rét, mà đến nay thì lại rõ ràng vì muỗi cắn sanh ra sốt rét ; trong các thứ muỗi lại phát-minh giống nào có thể truyền bệnh, giống nào không thể truyền bệnh, mà truyền bệnh là truyền con sâu sốt rét vào trong máu người ta, vân vân ; song sự thật đã pháp-minh thì chúng ta cần phải biết, vì dầu không muốn biết mà đến khi bị muỗi độc cắn thì cũng đau sốt rét, chớ không tránh khỏi được.

Hễ biết được sự thật thì có lợi, không biết được sự thật thì có hại, nên sự thật gì cũng cần phải biết cả.

Nhơn-quả luân-hồi là một sự thật, dầu không nhận có Nhơn-quả mà hễ có Nhơn thì có quả ; dầu không nhận có luân-hồi mà hễ bỏ thân này thì chịu thân khác không thể nào tránh khỏi. Đã không tránh khỏi thì thà biết còn hơn là không biết, vì biết thì có thể khỏi gây những nghiệp dữ, và gắng tạo những nghiệp lành, chớ không nhắm mắt làm càng, đến nỗi về sau phải đọa vào Địa-ngục, Súc-sanh, Ngạ-quỉ.

Chúng ta cần phải tham-học những sự thật : sự thật nơi thân mình, sự thật nơi tâm mình, sự thật nơi hoàn-cảnh mình ; tham-học cho tới nguồn tội gốc thì mới có thể hành-động đúng với sự thật và được những hiệu-quả chắc chắn của sự thật.

ĐỐI VỚI BÀI «PHẬT THÍCH-CA DƯỚI KÍNH-HIỆN-VI»

L. T. S. — Bài lai cáo của ông Mai sơn lời lẽ hoạt-bát, câu kéo đơng giăng và rõ ràng; tinh thần hộ-tri đạo-đức của ông lưu lộ ra nơi ngòi viết, rất đáng kính phục. Vậy nên chúng tôi xin đăng lên đây cho độc-giả nhả lăm.

Nhưng đối với các bạn thanh-niên bài bát đạo-đức, chớ phê-bình của ông Mai sơn có phần quá đáng. Thiết ra chỉ vì họ thấy những sự nhầm mắt tĩa càng không hiệp với tri-não khoa-học thiết nghiệm, nên họ bài-bát đó thôi.

Phỏng như họ có dịp tham-học Phật-pháp hiểu rõ chơn-tích-thần của đạo Phật, thì chúng tôi chắc họ cũng phải khâm-phục và tin-ngưỡng, vì họ sẽ nhận rằng Phật-pháp kiến-lập vững vàng, có thiết-nghiệm có lý-lận sát đáng, chớ không có những cái lù-mù, nào bí-mật, nào phép lạ, có thể đem người ta vào đường mê-tin.

Họ kích-bát vì họ hiểu lăm, nên những lời bài-bát của họ toàn là bài-bát lối ước-đặt theo sự hiểu lăm của họ, chớ chưa hề bài bát đạo Phật và những người đứng lên chấn-hưng Phật-học một chút nào.

Sự hiểu lăm ấy từ đâu? Xét ra tuy cũng có vì họ không chịu tham-học chỉ nhắm mắt chề càng, nhưng phần nhiều là vì cơ-quan truyền-bá Phật-pháp còn hẹp hòi, không được phổ cập. Các nhà hữu tâm với Phật-pháp nên đề ý về cái khuyết điểm ấy.

..

Trên tờ báo Anh-Sáng, số 36 ra ngày thứ bảy, nơi mục « Phải không » ông Kính-hiền-Vi viết hơn hai cột báo, toàn những lời lẽ nghiêm-khắc bài bát đạo Phật.

Tôi thấy trong bài của ông có nhiều chỗ mâu-thuần, nên tôi chẳng ngại gì viết bài này để cải-chánh lại.

Nói đến đạo Phật, ai ai cũng phải công nhận rằng nó cộmột nền triết-lý siêu-việt rất cao-thâm, cơ-hồ các bậc

đại-đức trong chốn Tăng-Già đã dày công tu-học còn lắm người chưa thấu đáo những chỗ linh-diệu của nó, phương chi ông Kinh-hiền-Vi cả đời chưa hề đọc đến kinh sách Phật, mà ông đã công-nhiên xuống bút phê-bình, thì thật ông là một người không biết tự-lương vậy.

Phê-bình đạo Phật ư? Không ai cấm ông được, vì đó là quyền của ông. Nhưng phê-bình một vấn-đề to-tát như thế, mà ông chỉ dựa những lý-thuyết vu-vơ, luận-diệu ngờ-ngẩn, không xác đáng, không thiết thực chút nào, thì phỏng bài của ông còn có giá-trị gì nữa?

Đạo Phật sở dĩ được các nhà học-giả trí-thức hàm mộ sùng-bái là vì nó là một cái đạo sẵn có chơn-lý rõ ràng và đã tiêu-biểu một tinh-thần hy-sinh đặc-biệt, chứng có là xưa đức Thích-Ca đã hy-sinh thân-danh, hy-sinh phú-quí để tìm phương-kế giải thoát cho chúng-sinh.

Cái cử-chỉ rất phi thường và rất cao-thượng ấy, trừ đức Phật ra, thiết tưởng người đời không ai làm nổi. Đó là cái chỗ đáng khen đáng phục, thế mà ông Kinh-hiền-Vi lại đem nó ra mà bài-bát, chẳng là trái ngược lắm ru?

Ông nói: « Phật-giáo chẳng phải là một phương-pháp giải-thoát cho loài người, nó chỉ là một phương-pháp giải thoát cho cá-nhân hay đúng hơn cho đức Phật Thích-Ca mà thôi... » Lời ấy là một lời vô-đoán chứng tỏ rằng ông Kinh-hiền-Vi bạ đâu nói đó, không suy cùng nghĩ kỹ.

Đành rằng đức Thích-Ca, Ngài tu hành để giải-thoát cho Ngài, thế nhưng từ trong con đường tu-hành của Ngài, Ngài ngộ được đạo-lý, Ngài đem những giáo-pháp huyền-diệu truyền-bá lại cho chúng-sinh để chúng-sinh noi theo đó mà tu-hành hầu thoát-ly cái khổ « sinh tử » để chứng được đạo-quả Niết-bàn như Ngài, thì còn ai dám bảo: Sự tu-hành của Ngài chỉ lợi cho Ngài chứ không lợi cho quần-sanh được ư?

Nếu quả như Ngài tu-hành chỉ vì lòng vị-kỷ, tu-hành để cầu lấy một cái hạnh-phúc ngoài sự sinh tử như ông tưởng, thì đạo Phật đã không có cơ xuất-hiện và tồn-tại

cho đến ngày nay. Thế thì ta đủ biết ngài tu-hành trước là để giải-thoát cho Ngài, sau là để giải-thoát cho chúng sinh, ví như một người đi học, trước là để đào-tạo cho kiến-vấn tri-thức được dồi-dào phong-phú, sau là để đem cái sở-học ra thi-thố với đời làm những việc lợi dân ích nước vậy.

Một đảng đi học cho thành tài để giúp ích cho xã-hội, một đảng đi tu cho thành Phật để giải-cứu chúng-sinh, hai đảng cũng giống nhau về chỗ mục-dích hành-dộng; có khác chăng là người đi học, vẫn ở trong hoàn-cảnh sung-sướng, còn Ngài đi tu thì từ trong hoàn-cảnh sung-sướng đi tìm một cái sống vất-vả cơ-hàn, đó là chưa nói đến hiệu-quả.

Ông nói : « Tin-dỗ của Phật Như-Lai mà còn chạy từng cái chức, kiếm từng cái danh... » Tôi cũng cho rằng có như thế, nhưng đầu sao đó cũng không phải là một cái cơ cho ông công-kích đạo Phật ? Vì rằng vô luận là đạo Phật, đầu đạo nào đi nữa cũng có người tốt kẻ xấu, người hay kẻ dở, mà cái tốt xấu hay dở đó là do tự người nào phải do tự đạo ? Thế thì chẳng lẽ chỉ vì một đôi người quấy, mà ông đi nói động đến toàn-thể tín-dồ, hay hơn nữa đến một tôn-giáo ư ? Mẹ dạy con phải hiền lành ngay thẳng, nhưng con không nghe lời mẹ, lỗi ấy ở con hay ở mẹ, thưa ông ???

Ông lại nói : « Phật-Giáo đã không thực-hành được lại phải chia ra từng đảng từng cấp cho hợp với trình-độ mọi người thì nó chỉ là một cách nhối sợ... » Sao lại không thể thực-hành được ? Nếu không thực-hành được, thì ở trên Thế-giới hiện-thời làm gì đã có hàng triệu tín-dồ ? Câu nói ấy thật là câu nói vô nghĩa-lý !

Nghĩ vì loài người lòng tham còn nặng, nghiệp chướng còn nhiều, phần đông xu-hướng về vật-chất, nào tham thức ăn thức mặc, tham xuống ngựa lên xe, tham nhà cao cửa lớn, tham phẩm-tước đai-quyền, chi chi cũng đều tham cả. Gia-dĩ có người đã được phần này còn ước phần nọ, đã được phần nọ còn mong phần kia ; lòng dục-vọng đã không bờ không bến, không tận không cùng thì

khó bề tu-hành được sáng suốt giác-ngộ như Phật. Vì chúng-sinh không thể từ nơi chỗ phạm-nhân, chỉ một bước mà lên đến quả Phật, thành thử Phật phải thiết-lập ra nhiều phương-pháp thích-hợp riêng cho mỗi hạng người, để cho bất cứ là ai, dầu ở căn-cơ nào, cảnh-ngộ nào cũng có thể tu-học được. Tôi tưởng đó chỉ là một lối giáo-hóa rất phổ-thông, có chi là đáng lạ đâu, mà bài bát.

Ông nói : « Đức Phật Thích-Ca đi tu để mưu một sự sống vĩnh-viễn như người nhu-nhược ở nước ta. . . » Nhưng ông là một người can-cường đồng-cảm, giá ông thử bắt chước như Đức Thích-Ca có được không? Ông có dám hy-sinh một địa-vị cao sang như Ngài được không? Ông có chịu cảnh khổ-bệnh 6 năm như Ngài được không? Ông có thể đi hành-khất như Ngài được không? Không, không bằng! một ngàn lần không. Thế sao ông dám ví cái hành vi của những người nhu-nhược với cái hành-vi của đức Thích-Ca ??? Cho hay lời nói bao giờ cũng dễ, mà việc làm bao giờ cũng khó. Lời nói suông chưa đủ tin, có làm mới đáng phục, bởi thế mà người ta trọng ở thực-hành hơn ở ngôn-ngữ.

Đoạn cuối cùng trong bài ấy, ông nói : « Đạo Phật dễ là vì nó là một tôn-giáo như biết bao tôn-giáo khác. . . » Thế là ông cho tôn-giáo nào cũng dễ nốt, và theo ý ông, dường như không có đạo nào mới là hay.

Thưa ông con người ở đời, dầu sang hèn, dầu trí ngu, dầu ở giai-cấp nào cũng nên tin-ngưỡng một tôn-giáo. Tôn-giáo là một hướng-đạo thiêng-liêng để dìu-dẫn loài người vào đường ngay nẻo chánh, là lợi-khí để rèn-đúc tâm-tánh ô-trược của loài người ra tâm-tánh thanh-cao. . . Tuy mỗi tôn-giáo phương-pháp tu-hành có khác nhau, song mục-đích dạy người bỏ dữ làm lành cũng như nhau. Thế cho nên dầu người ở tôn-giáo nầy cũng không ai đem tôn-giáo kia ra mà mặt-sát, vì mặt-sát tôn-giáo tức là mặt-sát luân-lý đạo-đức (chỉ nói về hạng thức-giả) mà luân-lý đạo-đức là nền-móng của thuần-phong mỹ-tục. Một gia-đình không đạo-đức thì còn đâu trật-tự của gia-đình, một nước không đạo-đức thì còn đâu vẻ tôn-nghiêm của nước?

Ông thử bình tâm tưởng tượng xem, nếu trên quả đất này, không có lấy một tôn-giáo để làm khuôn-mẫu cho loài người, thì loài người sẽ ra thế nào ?

Theo ngu-ý tôi, thì loài người sẽ là những bầy thú hung-băng, mà thế-giới này sẽ là nơi chiến-địa mất. Loài người sẽ tranh-giành xâu-xé nhau vì tư-ích, tư-lợi, mà trong cuộc tranh-đấu ấy, lẽ dĩ-nhiên phần thắng-lợi, về những người mạnh sức mạnh thể, to tước to quyền. kết-quả là : máu rơi thịt đổ . . . Thử hỏi : đứng trước cái thảm-tượng « nhân-loại tương tàn », biết lấy phương-châm gì mà trừ-khử ? ?

Luật-pháp chính-trị chẳng ? Luật-pháp thiết-tưởng cũng không đủ sức đàn-áp nếu những ác-tập đã nhiễm sâu vào tâm-não loài người. Huống chi luật-pháp cũng nằm trong phạm-vi đạo-đức, cũng phải lấy đạo-đức mà làm căn-cứ. Con giết cha, vợ giết chồng, trộm cướp, gian tham, những người gây nên những tội ấy, đều bị luật-pháp nghiêm răn trừng trị, là vì những người ấy làm sai với nguyên-tắc của đạo-đức. Xét cho kỹ, thì luật-pháp chính-trị chỉ là một cơ-quan phụ thuộc cốt để hộ vệ cho đạo-đức mà thôi.

Người ta sợ-dĩ làm lành lánh dữ, là vì người ta muốn bảo-trọng lấy nhân cách cho miệng đời khỏi cười-chê mai-mĩa, hay là để tránh khỏi vòng tù-tội, hay là người ta còn tin ở thuyết : « luân-hồi nhân-quả và địa-nục thiên-đàng » kia, (dẫu thuyết ấy là thiệt hay không thiệt cũng chẳng hại gì, nhưng thiệt lại càng quí)

Nếu không có bấy nhiêu điều-kiện cốt-yếu để thúc-liềm hạn-chế cái lòng dục-vọng tàn-ác của loài người, thì ở giữa cõi trần này đã xảy ra biết bao những sự bại-lý thương-luân, tồi-phong tồn-tục nữa ?

Tôi nói thế, không khỏi ông Kính-hiền-Vi bĩm môi : Đời nay mà còn có người nói đến đạo-đức, cổ-hủ quá ! Vâng, tôi vẫn biết đời nay không phải là đời phong-kiến. Đời nay là đời mà phong-trào văn-minh Âu-Mỹ đã tràn-lau trên cõi đất này, loài người muốn sinh-tồn phải cạnh-tranh phải phẩu-đấu, nhân đó đạo-đức cũng phải chịu ảnh-hưởng của điều-kiện kinh-tế tùy theo phương-tiện mà hoán-cải, nhưng hoán-cải cho hợp với thời-cơ chớ nào phải tiêu-diệt đâu !

Gần đây trên mặt báo-chí nước nhà, thỉnh-thoảng lại thấy những bài hô-hào « đả-đảo đạo-đức ». Những tác-giả bài ấy, chín chục phần trăm là các bạn thanh-niên tân-học. Số-dĩ họ có ác-cảm với đạo-đức như thế, là vì họ cho đạo-đức là chướng-trở-lực trên bước đường tấn-hóa của quốc-dân. Thiết vậy chẳng? Tôi không bao giờ biểu-đồng với ý-kiến ấy. Nếu nói thế chẳng hóa ra dân-tộc Âu-Mỹ, họ đều không có đạo-đức luân-lý cả chẳng? Họ cũng biết thờ cha kính mẹ, họ cũng biết yêu nước thương dân, không phải là họ không đạo-đức? Thế mà dân-tộc họ vẫn tấn-hóa lắm kia đấy!

Than ôi! giữa cõi đời hỗn-tạp này, đã phô-diễn biết bao trạng-thái gớm-ghe tàn-khốc, loài người cạnh-tranh nhau vì hư-danh giả-lợi, vì cái huyễn-hóa vô-thường, cạnh-tranh đến nỗi phí cả phẩm-cách, mất cả danh-dự. Đáng lẽ họ là người có học-thức, có tâm-huyết, phải đương-đầu đối-phó, hoặc cản-ngăn phủ-ủy người, hoặc dẫn-dụ khuyến-khích người vào đường chánh-giác. Nhưng không, trái lại họ mạnh-dạn đứng lên vỗ tay hoan-hô: « cạnh-tranh », hay quá hơn nữa « cướp giựt là nguyên-tính của loài người », nào họ có nghĩ gì đến câu « nhân chi sơ, tánh bản thiện » đâu.

Những người đã hô-bào cổ-vô đánh-đổ đạo-đức kia, là những người đã khao-khát sống một cuộc đời tự-do lãng-mạng, mà luân-lý đạo-đức là khuôn-khổ xiềng-xích giam-bãm họ, buộc ràng họ, không để cho họ làm theo ý muốn, rồi họ đâm ra giận-ghét khinh-bĩ đạo-đức, lên án đạo-đức, như thế cũng chẳng lạ-lùng gì!

Kết-luận bài này, tôi xin thưa với ông Kính-hiền-Vi rằng: ông chớ lầm-lường là bài của ông có đôi chút ảnh-hưởng về sự đánh-đổ đạo-Phật, và tôi mong sao ông trước khi phê-bình một vấn-đề gì, ông cần phải tham-cứu vấn-đề ấy cho rõ-rệt tinh-tường đã, bằng chẳng vậy, dầu ông có hùng-biện đến đâu cũng vẫn không có hiệu-quả gì.

MAI - SON lại cáo.



NGUYÊN-NHƠN CỦA CÔNG VIỆC CHÂN-HƯNG PHẬT-HỌC

(Nhơn xem phần thứ nhất của bài « Phong-Triều Phật-giáo phục-hưng » đăng trong báo T. A. mà sanh ra ý-tưởng).

Phật-học tuyên truyền xứ ta trên nghìn năm nay đã trải không biết mấy lần thanh, suy, hưng, phế. Nhất là trong mấy mươi năm về sau đây, Phật-học xứ ta in tưởng đã bơ-thờ lạnh-đam, không còn cái vẻ huy-hoàng như xưa nữa. Ngờ đâu ngày nay Phật-học lại có một thời-kỳ oanh-liệt, khắp cả ba kỳ đều rung chuông giống trống; thật là một hiện-trạng đặc-biệt đáng làm cho hàng thức-giã chú ý quan tâm. Vì vậy mà trên mặt báo chương thường thấy nhiều bài nói về phong triều Phật-học họ chỉ nói mặt bề ngoài, chứ về nội-dung thì thường sai với sự thật.

Như mới rồi, ông H. T. có đăng trong báo T. A. một bài đầu đề là « Phong-triều Phật-giáo phục-hưng », về nguyên-nhơn ông chỉ nói có ba chuyện là:

- 1.) Lòng tự ái của chủng-tộc,
- 2.) Lòng khát-vọng một lý-tưởng dễ theo,
- 3.) Nạn kinh-tế khủng-hoảng ;

mà trong ba chuyện, không một chuyện đúng với sự thật.

1.) Lòng tự-ái của chủng-tộc. — Ông H. T. nói; vì đem tinh-thần so sánh với nước Âu-Châu thì mình cũng thua kém, vì đem vật-chất so sánh thì người mình cũng sút xa, không biết nương vào đâu mà tự cao tự đại, nên người mình phải nương vào Phật-giáo, một đạo-lý cao xa, để tự an-ủi một vài phần.

Ông H. T. nói như vậy rồi cho đó là vì lòng tự-ái của chủng-tộc, thiệt rất sai lầm, vì đức Phật Thích-Ca là người

Sát-Đế-Ly về dòng A-Ly-An, tức là bạch-chủng chứ không phải huỳnh-chủng. Lại đạo Phật phát - minh bên Ấn-độ chứ không phải trong xứ Việt-Nam ta thì người mình còn nương vào đâu mà phát lòng tự - ái của chủng-tộc cho được.

Đến như nói đạo Phật truyền qua nước mình đã lâu, đối với nước mình là một đạo sẵn có, thì đó là bảo-tồn một đạo-lý sẵn có ở xứ mình chứ nào phải là lòng tự-ái.

Vẫn biết nước mình đối với các nước còn thua kém nhiều lắm, nhưng cái gì xấu, cái gì dở thua người thì mình cứ bỏ mà học theo người; cái gì tốt, cái gì hay hơn người thì mình cứ bảo-tồn; đó là một lối lựa chọn cần phải có, và ngày sau mới khỏi cái nan nhân lắm rằng ăn bánh uống rượu, nhảy đầm mặc một là Âu-châu văn-hóa. Phật-pháp dựng lên trên một nền triết-lý thâm-thúy cao xa chưa từng có, rất hiệp với khoa-học lại có thiết-nghiệm rõ ràng; đó là một chỗ hay sẵn có ở xứ ta, lẽ nào lại nhắm mắt bỏ càn khôn ngọc quý báu kia mà đi lượm những cái cặn bã không có giá-trị. Huống chi Phật-pháp tùy duyên độ-sanh, không bắt người phải chết đứng một chỗ mà thường dạy người phải thay cũ đổi mới cho hiệp thời, nghĩa là cho được lợi ích chung trên con đường tiến-hóa của tâm trí.

Vậy công việc chấn-hưng Phật-học mà nói là vì lòng tự-ái của chủng-tộc thì sai, phải nói vì lòng ái-chủng-tộc thì mới đúng với sự thật.

2.) Lòng khát vọng một lý - thuyết dễ theo. — Loài người không phải vô tri-giác như cỏ cây, không phải ngu xuẩn như súc - vật, loài người có trí - thức đủ hiểu sự lý giữa đời; mà đã có trí-thức thì bao giờ cũng cần phải có đồ ăn nuôi sống tri-thức, cũng như đã có xu xác thì bao giờ cũng có cơm có nước để nuôi xu xác vậy; vì đó mà loài người đời nào cũng phải cần những lý-thuyết cao xa, đạo-học huyền-diệu để khoách-trương tư-tưởng, khoách-trương trí-thức.

Sanh lòng khát vọng lý-tưởng đã là một tánh bản-nhiên của loài người thì không thể đem riêng nó ra, cho nó là

một nguyên nhân của công việc chấn-hưng Phật-học. Nhưng chỗ sai của ông H.T. chẳng những ở nơi đó, mà là vì ông tưởng lầm rằng: bởi những chủ-nghĩa quốc-gia xã-hội đã diễn ra cho người mình biết bao nhiêu tấn tuồng ghê sợ làm cho rừng mình rợn gáy nên người mình phải quay về đạo Phật để tiêu-khuyến với quyền kinh câu kệ.

Ôi, nếu đạo Phật mà chỉ dạy người như thế, dạy người sống một lối tiêu-cực chán đời, thì cần gì phải chấn-hưng Phật-học. Ông H. T. đối với Phật-học có cái quan-niệm sai lầm như vậy thì tài gì ông không đứng lên bài-bát nhưng bài-bát chỉ là bài-bát chỗ ức-đặt của ông chứ chưa hề bài-bát Phật-học.

Thiệt ra đạo Phật dạy người chính trong gia-đình, chính giữa xã-hội mà cải tạo gia-đình xã-hội cho thiện-mỹ. Phật-pháp là lối tu hành đức-tánh rất viên-mãn. Có trau dồi đức-tánh mới có thể gọi là dân-tộc văn-minh, chứ nếu con phản cha, vợ phản chồng, quan phản vua, dân phản nước, thì dầu học giỏi đến đâu đi nữa cũng chỉ là cầm-thú mặt người mà thôi.

3.) Nạn kinh-tế khủng-hoảng. — Trên con đường quốc tế, nước mình đã bắt đầu dính líu một đôi chút với thiên-hạ, nên việc gì xảy ra ở đâu đâu mà nước mình cũng phải chịu ảnh-hưởng. Huống chi nạn kinh-tế khủng hoảng đương rung-động cả hoàn-cầu, thì nước mình tài gì không bị cái trào-lưu dữ dội ấy nó lôi cuốn. Nạn kinh-tế khủng-hoảng đã mở mắt cho biết bao nhiêu người đương mê-tin cái toàn-năng của khoa-học, đã làm cho họ ngộ cái cảnh vô-thường, cái hại của lý-thuyết cạnh tranh và suy tìm một chơn-lý vững vàng có thể tạo thành hạnh-phúc đầy-dủ cho nhơn-loại.

Bình tâm mà suy xét, cái khổ của nhơn-loại đủ cách đủ vánh, nào phải chỉ vì nạn kinh-tế : sống khổ theo phần sống, đau khổ theo phần đau, già khổ theo phần già, chết khổ theo phần chết. Muốn cho được mà không được là khổ, cách xa ân ái là khổ, gặp phải nghịch-cảnh là khổ, phóng-xả không được là khổ. Cái khổ khổ đã đành mà cái vui nở dặng lâu dài nên cũng hóa ra khổ ; thương hải tang điền, vô-thường dời đổi, trăm ngàn vạn sự khổ kể sao cho xiết.

Cuộc đời là một bể khổ nó đương vùi dập loài người dưới mấy tầng sóng gió. Như loại đã mang theo bên mình một cái khổ, thì đời gì có nạn kinh-tế mới chấn-hưng Phật-học để chỉ vẽ những phương-pháp trừ các sự khổ.

Vả lại công việc chấn-hưng Phật-học ở xứ ta bắt đầu trong khoảng 1930-1931, nghĩa là trước khi có nạn kinh-tế khủng-hoảng.

Huống chi công việc chấn-hưng Phật-học chẳng phải chỉ ở xứ ta ; ở nước Lào, nước Xiêm, nước Ấn-Độ, nước Nhật, công việc ấy đã khởi hành hơn mấy mươi năm về trước ; nào phải đợi có kinh-tế khủng-hoảng.

Ba nguyên-nhơn của ông H. T. đối với nước mình đã sai, đối với nước người thì không còn nghĩa lý gì cả. Vậy thì cái phong-trào chấn-hưng Phật-học đó là vì có gì ? đều ấy cần phải giải-quyết.

Theo thiền kiến tôi thì nguyên-nhơn của phong-triều ấy có ba phần :

- 1.) Vì sự tấn-hóa của trí-thức người xứ ta về mặt luận-lý.
- 2.) Vì khoa-học tuy đánh đổ các sự mê-tín, nhưng tự mình vẫn không có năng lực để tạo thành hạnh-phúc cho Nhơn-loại.
- 3.) Vì phải có một đạo lý vững vàng đủ làm cho khoa-học phục tình để đào-tạo đức-tánh của loài người.

1.) Vì sự tấn-hóa của trí-thức người xứ ta về mặt luận-lý. — Từ xưa đến nay muôn sự muôn vật trong thế-gian đều theo tâm-niệm sanh diệt của chúng sanh mà thường thường biến đổi, thì trí-thức loài người cũng không thể đứng vững một nơi, nó cũng phải theo hoàn-cảnh mà biến đổi. Ngày xưa, người xứ ta theo Nho-học, cái Nho-học của Tống-Nho bắt phải nhất định theo lối biện-luận của thầy Châu-Tử, không được dời đổi chút nào, đến nỗi ai trái với Châu-chú trong khi thi-cử đều phải mắc tội, lại tội lây đến bản sư-nửa. Lối học như vậy là lối học chết sững, nó khép trí-thức con người vào trong khuôn hẹp hòi, cho nên luận-lý học xứ ta trong mấy trăm năm về sau đây mỗi đời mỗi suy kém (chỉ nói về đại

đa-số). Vậy nên trong thời-kỳ Nho-học thanh-bành, đạo lý cao xa của Phật-giáo chỉ có thể duy-trì trong sơn-môn, chứ không thể truyền-bá trong cái xã-hội không biết luân-lý ấy được.

Ngày nay Nho-học đình-đốn, người Nam ta đã xuôi về Âu-học, đã hấp-thụ được cái tinh-thần tự-do biện-luận của khoa-học và triết-học Âu-tây, nên trí-thức mở mang lên nhiều chứ không chết sống với những thành-kiến sét đánh không tan như xưa nữa.

Người xứ ta trí-thức đã mở mang, lối luân-lý cũng tấn-bộ; hiện nay đã đủ tư-cách mà hấp-thụ giáo-lý sâu xa của đạo Phật, nên mới có công việc chấn-hưng Phật-học để tuyên-dương chánh-pháp cho cả nước.

2.) Vì khoa-học tuy đánh đổ các sự mê-tín, nhưng tự mình vẫn không có năng-lực để tạo thành hạnh-phúc cho nhơn-loại. — Khóc-học kỳ công diệu-xảo, việc gì cũng tìm xét tới nơi tới chốn, đã phá tan biết bao nhiêu màng u ám giữa đời và xô đổ cội gốc của tất cả các lối mê-tín, đầu mê-tín thần-quyền, mê-tín Tạo-hóa, mê-tín triết-học hay là mê-tín khoa-học. Khoa-học đã mở ra một hoàn-cảnh mới mẻ cho nhơn-loại, một hoàn-cảnh tinh xảo khác thường làm cho lắm người rất trông cậy nơi khoa-học để tạo-thành hạnh-phúc viên-mãn cho nhơn-loại.

Nhưng hiện nay lại thấy chẳng những khoa-học không tạo được hạnh-phúc hoàn toàn cho nhơn-loại, mà lắm khi, trái lại gây ra những cuộc chiến-tranh dữ dội, những nạn kinh-tế ly-kỳ; nên có người thì đổ tội cho khoa-học, và có người thì đổ tội cho lối dùng lầm khoa-học. Song dầu cho là dùng lầm đi nữa, nhưng thế nào mới khỏi dùng lầm, đều đó chắc khoa-học không thể giải quyết được. Khoa-học đã không thể giải quyết mà thần-giáo thì bị khoa-học xô ngã, triết-học thì bị khoa-học lợi dụng làm kẻ phụ tùng, nhơn-loại còn biết nương vào đâu để khỏi dùng lầm khoa-học, vì vậy nên cần phải chấn-hưng Phật-học là một đạo-lý vững vàng, mà khoa-học không thể đánh đổ.

3.) Vì phải có một đạo lý vững vàng đủ làm cho khoa-học phục tình để đào tạo đức-tánh của loài người. — Phật-pháp lý nghĩa rõ ràng đúng đắn, có thiết-

nghiệm chắc chắn nơi tự-tâm, chứ không bắt phải tin càng theo chạ, không bắt phải quy lụy ton hót một đấng thiêng-liêng nào, nên rất hiệp với trí-não không chịu ý-lại, không chịu mê-tin của khoa-học.

Phật-pháp là một lối trau dồi đức-tánh rất hoàn-toàn viên-mãn ; nếu nhơn-loại biết trau dồi đức-tánh theo Phật pháp thì mới chắc khỏi dưng lằm khoa-học, mà cái hy-vọng to tát của nhơn-loại đối với khoa-học mới có ngày thành-tựu. Đó cũng là một nguyên-nhơn của công việc chấn-hưng Phật-học.

Ba cái nguyên-nhơn ấy tuy chỉ là ý riêng của tôi, nhưng dẫu đối với công việc truyền bá Phật-giáo ở Âu-Mỹ đi nữa, tưởng cũng không đến nỗi sai lằm cho lằm. Đến như lối cuối cùng của phần thứ nhất bài ông H. T. nói về chuyện xô số, nó chỉ là lời nói ba-lơn, xin đề cái ba-lơn tự phá cái ba-lơn mà thôi, trong ấy thiệt không lý nghĩa gì cần phải biện-bạch.

N. XUÂN THANH



ĐỐI VỚI PHẦN THỨ HAI CỦA BÀI «PHONG-TRIỀU PHẬT-GIAO PHỤC-HƯNG» TRONG BÁO T. A.

L. T. S. — Chúng tôi vâng lời dạy các ngài Chứng-Minh Đại Đạo-sư và nhận rằng thời-đại này là thời-đại đấu-tránh kiên-cố, người đời chỉ lo cãi cò nhau chứ không lo thiệt-hành, nên chúng tôi thiệt không muốn cãi cò chút nào ; chỉ vì phần thứ hai của bài « Phong triều Phật-giáo phục-hưng » này có lắm chỗ dễ làm cho những kẻ nhẹ dạ lạc bước lầm đường, nên chúng tôi phải chỉ những chỗ sai lầm ra, chớ không có ý gì khác. Vậy chúng tôi xin đấng nguyên-văn của ông H. T. và lời biện bạch của chúng tôi để cho độc-giả xét biết chỗ phải chỗ trái.

Nguyên-văn của Ông H. T....

Bạn đọc xem bài trước nói về nguyên-nhân của phong-triều phục-hưng Phật-giáo cũng có thể đoán qua thái độ của chúng tôi đối với phong-triều này thế nào, tuy rằng trong lúc xét cội gốc một phong-triều, chúng tôi hết sức giữ trung-lập, chỉ cốt tìm chơn lý và không hề phụ thêm lời bài xích hay phê bình.

Lời tòa-soạn. — Ông H. T. không phải người chủ-động về công việc chấn-hưng Phật-học, lại cũng chưa rõ Phật-giáo là chi, nên các nguyên-nhơn ông đã kê trong phần thứ nhất đều là lời ức-đặt, không đúng sự thật. Xin độc-giả xem bài « Nguyên-nhơn của công việc chấn-hưng Phật-học » trong số này thì đủ rõ, Ông H. T. vẫn có quyền ức-đặt, nhưng ông đã ức-đặt rồi lại theo những lối ức-đặt của ông mà biện-bác thì trái với phép luận-lý nhiều lắm. Ông H. T. thử nghĩ : phỏng như có người không biết sông Dương-Tử-Giang là thế nào, ức-đặt sông ấy là nhỏ và nước đục, rồi bài bát cái nhỏ cái đục của dòng sông Dương-Tử thì có lý nghĩa gì không ?

Về việc chấn-hưng Phật-học, nguyên-nhơn thế nào, trong Viên-Âm chúng tôi đã nói rõ trong nhiều bài, sao không y theo đó mà bài bát, lại chỉ bắt theo lòng ước-dặt của ông; bắt như vậy thì làm sao chúng tôi phục tình được.

N. V. — *Chúng tôi không phải tin đồ đạo Phật, nhưng đối với lòng tin-ngưỡng của bao nhiêu người, chúng tôi rất kính cần và không muốn xâm-phạm đến một cách trái lẽ.*

L. T. S. — Chúng tôi cũng nhận rằng ông T. H. là một người thanh-nhã, nhưng vì những lẽ mà ông cho là phải, đối với chúng tôi thì in tuồng là có trái, nên chúng tôi phải biện bạch. Một đều xin nói cùng ông H. T. là trong xứ ta tôn-giáo vẫn nhiều, sự tin-ngưỡng của tôn-giáo khác vị tất đã đủ lý nghĩa như sự tin-ngưỡng của đạo Phật, mà ông chỉ chăm công-kích đạo Phật, mà không nói đến tôn-giáo khác là vì lẽ gì? độc-giả của T. A không mấy người theo đạo Phật phải không? người đạo Phật ít chấp-nệ phải không? xin đánh một dấu hỏi.

N. V. — *Trong các bạn, chắc có nhiều người biết chuyện Hồn bướm mơ tiên của Khái-hưng. Trong chuyện Hồn bướm mơ tiên, Khái-hưng đã khéo lấy bóng hoàng hôn trên đồi sản cùng mùi hương tiêng mỡ nhuộm cảnh chùa đầy một vẻ nên thơ. Ai xem Hồn bướm mơ tiên mà không lưu luyến không say sưa vì cảnh chùa? Nhưng càng mến cảnh chùa, người ta càng giận đạo-lý nhà chùa đã lạnh lùng ngăn đón hạnh phúc của đôi lứa thiếu niên, Lan và Ngọc. Nhân danh một cái đạo lý khô khan và trái với sự sống, một đôi trai gái trẻ trung, ngày thơ, yêu nhau đến cực điểm phải dần lòng đoạn tuyệt với bao nhiêu cái vui nồng nàn của ái tình và của cuộc đời hoạt động.*

Hồn bướm mơ tiên chỉ nêu ra một sự trái lẽ. Trong đạo Phật còn bao nhiêu sự trái lẽ nữa, trái với lẽ sống.

L. T. S. — Tội nghiệp cho ông H. T., ông muốn bát đạo Phật thì trong nguyệt-san Viên-Âm chúng tôi xuất-bản hơn một năm rồi, ông cứ chính theo đó mà bát đạo Phật

có phải là đúng hơn không ? Lẽ đâu ông đi nương theo một cái tiểu-thuyết của một nhà thi-sĩ mà bắt đạo Phật ! Huống chi những việc đã nói troag quyển « Hồn bướm mơ tiên » đối với những tôn-giáo bắt phải thế-nguyên trọn đời giữ luật-pháp riêng của một dòng nào thì có lẽ, chớ đối với đạo Phật thì thiết không đúng với sự thật. Vì sao ? Vì trong đạo Phật, ai muốn thọ-giới hay xā-giới lúc nào cũng được, không bắt buộc ai, mà cũng không tội lệ gì về việc ấy. Ai xét tâm mình có thể trì giới xuất-gia được thì xuất-gia, đến khi tự xét không thể trì-giới xuất-gia được nữa thì cứ xin xā-giới ra ngoài, có gì ràng buộc đâu mà đến nỗi lỡ làng cuộc đời của đời trẻ. Đạo Phật cốt ở nơi tâm, nếu tâm còn dâm-dục thì dầu căng răn chân mắt mà ở chùa cũng chẳng ích gì ; thả tự biết nghiệp chướng nặng nề, xin xā-giới về thế-gian mà tu theo phép khác còn hơn. Ông H. T. nói rằng trái với lẽ sống, thì trước hết ông cũng nên xét cái sống là gì. Biết cái sống là gì rồi mới biết những cái trái với cái sống : nếu không suy nghiệm cho đúng lý, chỉ một mặt nói suông đầu miệng thì làm sao cho đúng với sự thật. Ông H. T. là một người thông minh sao không tự trọng, lại nương nơi trường hợp không thể có trong một tiểu thuyết mà nói đạo Phật là trái với lẽ sống, rồi luôn theo đó lại nói suông rằng còn bao nhiêu sự trái lẽ nữa : nhà luận-lý nên có những thái độ như vậy không ? xin ông tự xét.

N. V. — Một điều cần phải nói rõ : chúng tôi không bình phẩm giáo lý đạo Phật, chúng tôi chỉ nói cái đạo Phật giữa đời, đạo Phật của các nhà tu và của các cư-sĩ đã thực hành xưa nay mà thôi.

L. T. S. — Đạo Phật có sự có lý, lý nằm trong sự, sự nằm trong lý, ông H. T. đã bỏ giáo-lý đạo Phật ra ngoài thời ông còn biết sự tướng của đạo Phật là thế nào mà ông dám bắt ? Phỏng như chúng tôi cũng nói như ông rằng : chúng tôi không cần biết lý lẽ của ông thế nào, chúng tôi chỉ bài bác cái sự công-kích tôn-giáo thì ông có phục tình không ? Phỏng như có người không biết vì lẽ gì có những tờ báo mà kích bác cái sự làm tổn giấy tổn mực

không ích gì cho sự ăn ngon mặc đẹp của nhơn-loại, thì ông có phục tình không ?

Chính ở giữa đời bất luận việc gì, ông H. T. hãy thử giả làm một người không biết vì sao mà có những sự như vậy và giả phê-bình theo tâm-trí người ấy, thì ông sẽ rõ những lối phê-bình như kia, là đúng hay không đúng. Đối với tâm-trí của một người không biết chi như kia thì những nhà thí-nghiệm về khoa-học là những kẻ biến nhác, chỉ ngồi rục một chỗ ; những nhà tập thể-thao là điên cuồng, những anh học trò cấp sách vào trường là khờ dại ; vì người ấy không rõ rằng vì muốn phát-minh ra những sự hay ho của khoa-học nên phải thí-nghiệm, vì muốn cho mạnh người nên phải tập thể-thao, vì muốn mở mang trí khôn nên phải đi học. Đại phạm sự gì cũng có lý mới thành sự. Cái lẽ vì sao mà làm việc này việc khác cần phải biết trước rồi mới phê-Bình, chớ nếu không biết vì sao thì dầu nói bao nhiêu cũng chỉ là lời nói của một người không biết.

N. V. — Chúng tôi không đứng về phương-diện siêu-hình-học, chúng tôi chỉ đứng về phương-diện xã-hội.

L. T. S. — Đạo Phật chính nơi mắt thấy tai nghe mà giác-ngộ những sự mê lầm chớ chẳng phải ngoài những cái mắt thấy tai nghe mà có giác-ngộ, xin ông H. T. chớ lầm Phật-học với Siêu-hình-học.

N. V. — Cái thuyết siêu hình của đạo Phật hoặc là một thuyết đúng với chân - lý cũng nên. Nhưng đúng hay không đúng, chúng tôi không cần biết.

L. T. S. — Cái gì đã là chơn thật thì đều có hiệu-dụng rõ ràng, biết thì dùng đúng, không biết thì dùng sai, chớ không thể nào tránh được cái hiệu-dụng của sự chơn-thật. Ông H. T. đã nói đạo Phật hoặc chẳng là đúng với chơn-lý mà ông không chịu học cho rõ đạo-lý nhà Phật thế nào, chỉ bàn suông về sự-tướng thiệt đáng tiếc cho ông lắm.

N.V. — Chúng tôi chỉ biết cái đạo Phật có người tin, có người theo. Một đạo-lý dầu hay mà chưa hề có ai

tin theo thì đối với xã-hội cũng như không có. Không có, không cần nói đến. »

L. T. S. — Ông H. T. đã nói ông không phải là người đạo Phật, ông không cần biết giáo-lý nhà Phật là chi, thì làm sao ông biết được rằng chưa hề ai tin theo giáo-lý nhà Phật? chỗ này ông có chịu là vô-đoán không?

N. V. — *Chắc có người sẽ bẻ chúng tôi : « Ấy, chính vì người đời mê muội không hiểu rõ giáo-lý, nên nay cần phải chấn-hưng nền đạo, cần phải tìm cho ra chân-tượng của đạo để thức tỉnh mọi người ». Cái công việc này, cái ước vọng này mới đẹp để làm sao ! Nhưng than ôi chỉ là ước vọng hão !*

L. T. S. — Công việc xướng-minh Phật-học đã thiết-bành rõ ràng trong ba Kỳ, nào phải chỉ là ước vọng. Hiện nay nước Xiêm nước Nhật ai ai cũng đều biết Phật-pháp thì nước Nam ta quyết chắc rằng có lúc cũng thành-tựu như vậy, nào phải là ước vọng hão.

Mục-dịch của công việc chấn-hưng Phật-học là cốt làm cho toàn-thể tín-đồ Phật-giáo ai ai cũng tùy theo tâm-trí mình tin-ngưỡng chắc chắn và tu hành đúng phép mà thôi, đến như thông suốt ba tạng kinh điển là về phần các bậc pháp-sư, chứ không phải về phần toàn-thể tín-đồ Phật-giáo.

N. V. — *Phật-tổ, cũng như thói thường các vị lập ra tôn-giáo, nói rất nhiều mà rất mơ hồ. Câu này giải nghĩa ra thế này, đến câu khác lại có thể giải nghĩa ra một cách khác hẳn, không còn biết đường nào mà theo.*

L. T. S. — Ông H. T. chưa học Phật-pháp, chưa biết Phật-pháp là chi, nên tưởng lầm như vậy đó thôi, chứ Phật-pháp nào phải như các học-thuyết khác đâu mà ông cho rằng ai muốn nói cách gì cũng được. Phật-pháp nghĩa lý phân minh nếu cắt nghĩa lầm một câu kệ thì nghĩa ấy không trái với kinh này lại trái với kinh khác. đề gì mà che mắt thiên hạ. Huống chi Phật-pháp kiến-lập theo phép « Nhơn-minh » là một lối luận-lý-học rất rõ ràng, nếu cắt nghĩa không đúng lý thì ai chịu tin-phục. Ông chưa nghiên-cứu Phật-Pháp nên

trường lắm là mồ hồ : cái mồ hồ đó ở nơi ông chớ nào phải ở nơi Phật-pháp.

N.V. — *Bây giờ muốn nghiên-cứu bao nhiêu pho Kinh để tìm lấy một tia sáng chân-lý thực là một chuyện mò kim dưới đáy biển. Huống gì chưa chắc đáy biển đã có kim....*

L. T. S. — Nếu ông H. T. biết tìm thầy học đạo thì ông sẽ rõ lý nghĩa đạo Phật là hiện nhiên dễ hiểu lắm, dễ thấy lắm, chúng tôi học chừng ba bộ kinh đã thấy rõ chơn-lý, (cái lý đúng với sự thật) chớ nào phải khó khăn như chuyện mò kim đáy biển, xin ông chớ lắm.

N.V. — *Giá đạo Phật đúng với chân-lý, đạo Phật có thể cứu đời được, chắc không phải chờ đến ngày nay.*

L. T. S. — Ông H. T. lấy hiện trạng Phật-giáo nước ta là một nước mà đạo Phật đã bị Nho-học đè nén từ khi làm nội thuộc của Tàu, mà phê-bình Phật-giáo thì sao cho đúng với sự thật. Ông hãy xem hiện-trạng của Nhật-bổn và Xiêm-la thì ông sẽ biết sự lợi-ích của đạo Phật đối với xã-hội.

N.V. — *Một tôn-giáo xuất hiện ra đã hơn hai ngàn năm trăm năm, mà đến nay loài người chưa hiểu giáo lý ra thế nào ! Một tôn-giáo tự nhận cái trọng trách cứu đời mà sau hai ngàn năm trăm năm người đời còn phải kỳ-cục tìm xem người xưa nói những gì ! Nếu loài người có chịu khó chờ đạo Phật cứu, thì e cũng không có thì giờ mà chờ. Quả địa-cầu sẽ tan mất rồi mặt trời sẽ lạnh mất rồi, trước khi tin-đồ nhà Phật phát huy ra giáo-lý.*

L. T. S. — Về công hiệu cứu-dộ chúng sanh khỏi các sự khổ của đạo Phật thì khó bề nhơn nơi hiện trạng mà biết được lắm, vì những bậc đã giác-ngộ thì quyết không còn thụ-sanh trong cảnh giới của nhơn-loại, trừ ra khi phát nguyện độ-sanh. Ví như mỗi năm, ông H. T. mồi vào trong một trường tiểu-học, thì năm nào ông cũng chỉ thấy những học trò tiểu-học, rồi nhơn đó ông trách ông đốc trường

không biết dạy học trò thì oan uổng biết chừng nào. Trường tiểu-học chỉ để dạy những học trò tiểu-học, còn những trò đã thi đậu thì đi học trường khác, chứ các thầy bao giờ cũng hết sức dạy học trò cho tấn ích. Theo cái ví dụ trường tiểu-học như trên, thì năm nào học trò cũng phải học cả, có lấy gì làm lạ. Bấy lâu những người nhờ Phật-pháp được giải-thoát số kẻ không biết, hiện nay trong thế-giới này cũng lắm người được giải-thoát, chỉ vì ông H. T. không biết được đó thôi.

Đến như giáo-lý của đạo Phật thì khi nào ông H. T. muốn học, chúng tôi sẵn lòng bày vẽ, thiệt không cần phải phát huy gì nữa.

N. V. — *Sự thực, cuộc đời như một con sông, vẫn lặng lẽ đi theo con đường của nó từ xưa đến nay, không có lý-thuyết nào ngăn đón được, không có sức gì lay chuyển được. Những luật chi-phối cuộc đời là những luật bất-di bất-dịch, không có vì một lẽ gì mà thay đổi. Lý-thuyết nào trái với các luật ấy nhất thiết sẽ bị xô đổ cùng với bao nhiêu người tựa vào nó.*

L. T. S. — Ông H. T. tưởng rằng cuộc đời khi nào cũng đi theo một con đường nhất định hay sao? Cái nhất định đó ở chỗ nào, xin ông gắng chỉ cho chúng tôi coi, vì chúng tôi chỉ thấy những cái vô-thường thay đổi. Ông đã cho là chi-phối mà ông còn tin là bất-di bất-dịch, thật rất mâu-thuân, vì đã là chi-phối thì khi một cái đổi, tất cả các cái khác đều phải đổi theo, làm sao mà bất-di bất-dịch được.

Chúng tôi học Phật chính để rõ cái chi phối ấy, cái nguyên-nhơn của sự chi phối ấy, đừng dùng cái chi phối ấy một cách chánh đáng chứ không chi khác. Những lý-thuyết trái với chi-phối ấy chắc phải xô đổ, chứ những lý-thuyết đúng với sự thật của chi-phối ấy thì không bao giờ bị xô đổ cả. Thiệt ra nếu ông H. T. không học Phật-pháp thì không bao giờ ông biết được cái chi phối ấy thiệt thiệt là thế nào, trông mong ông suy xét, đừng chịu ôm một cái lù mù làm cái bất-di bất-dịch.

N. V. — *Chúng tôi tin rằng chân-lý không có ở trong ba pho sách nát đời thượng cổ.*

L. T. S. — Ông H. T. tin như vậy là lầm: chơn-lý đâu không ở trong kinh, nhưng vẫn không ngoài lý-nghĩa các kinh. Ông đã không cần biết chân-lý, không cần học Phật-pháp thì làm sao ông lại tin được rằng chơn-lý không có trong kinh điển. Không xét rõ mà tin càng như vậy có phải là mê-tin không?

N.V. — *Chân-lý ở trước mắt ta, chung quanh mình ta, ở trong cuộc đời thực tế phong ba rộn rịp, sán lán, huy hoàng, trong những kỳ-công của khoa-học, những sự-nghiệp bất hủ, những nỗi vui sướng cùng những nỗi đau thương của loài người, từ khi có loài người. Trong thế-giới hữu sắc, hữu hình, và hữu tình vậy.*

L.T.S. — Những cái ông H. T. nói đó là hiện-trạng, hiện-trạng là sự-tướng chứ nào phải chơn-lý. Vẫn biết trong sự bao giờ cũng có lý, nhưng nói sự là lý thì có phần không đúng. Ông H. T. nói cuộc đời thực-tế phong-ba rộn rịp thì phải, đến như nói là sán lán huy hoàng thì có chịu quá đáng, vì chắc ông cũng nhận rằng: những sự u ám lù mù trong phong trào ấy không phải là ít vậy. Ông nói khoa-học có kỳ-công, nó vẫn có kỳ công thiệt, nhưng khoa-học cũng lắm tai-hại, như cái hại chiến tranh, cái nạn kinh-tế ngày nay.

Đến như nói chơn-lý ở những nỗi vui sướng cùng những nỗi đau thương của người thì có phần mâu-thuần, vì vui sướng và đau thương đứng về mặt trái, chơn-lý ở bên đau thương thì không thể ở bên vui sướng, chơn-lý ở bên vui sướng thì không thể ở bên đau thương; trừ ra khi noi theo một chơn-lý ra ngoài vòng vui sướng đau thương dặng làm cho những kẻ đau thương được phần vui sướng.

Theo ý chúng tôi thì một lý nghĩa cần phải bất-di bất-dịch, rõ ràng minh-bạch, đứng trên một nền lý-luận vững vàng và có thiệt dụng hay ho về hiện-tại và tương-lai thì mới thiệt là chơn-lý; chứ nếu thay đổi không nhất định, lù mù lộn lạo, dặng lên trên cái nền mê-tin hoặc cái nền võ-đoán, không có thiệt dụng hay ho về hiện-tại và tương-lai, thì ăn trộm lấy sự tham của làm chơn-lý, dĩ thỏa lấy sự đưa tình làm chơn-lý, những lý quái gở như vậy thì

dầu ông H. T. chắc cũng không bao giờ nhận làm chơn-lý; xin ông đọc lại văn ông và tự xét.

N.V. — *Chúng tôi sống trong thế-giới này một cuộc đời nông nản mà say sưa.*

L. T. S. — Ông H. T. ước ao những công nghiệp bất-hủ mà ông lại sống một cuộc đời nông nản say sưa, thì làm sao lập công nghiệp bất-hủ được.

Muốn lập công nghiệp vĩ-đại bất-hủ thì cần phải sống một cái sống có mục-dích, có lợi ích cho đời, một cái sống hoạt-động mà không nông nản, thương xót mà không say sưa, một cái sống của những người biết sống.

N.V. — *Rồi một ngày kia thế-giới có tan ra, chúng tôi sẽ thân-nhiên đi vào chốn hư-vô, không phân nan không nhớ tiếc. Vũ-trụ này cùng với loài người và mọi loài nếu chỉ làm một vì sao băng sáng lòa trong đêm tối rồi vụt biến đi không trở lại cũng đủ rồi. Chúng tôi không hy-vọng hơn nữa.*

L. T. S. — Ông H. T. đã biết vũ-trụ vô-thường, nhưn loại vô-thường mà ông đánh nhắm mắt đưa chơn và khuyên người nhắm mắt đưa chân theo ông là nghĩa gì! Nhưn-loại nào có phụ chi ông, mà ông đánh lòng đem người vào hang sâu vực thăm!

Chẳng nói chi đến lúc địa-cầu tan rã cho xa, chớ chừng 5, 70 năm nữa thì cái mà ông H. T. nhận là ông đó tất nhiên sẽ thành hư-vô, trong khi ấy, nếu ông được thân-nhiên, không phen nản, không nhớ tiếc thì chúng tôi cũng mừng cho ông lắm, nhưng khôn nổi, ông còn nông nản say sưa kia mà!

N.V. — *Cho nên chúng tôi không muốn mất công tìm giáo-lý trong khi bình-phẩm đạo Phật là một hiện tượng xã-hội, đối với chúng tôi, chỉ có cái đạo Phật thực-hành người đời vẫn tin vẫn theo xưa nay là có mà thôi.*

L. T. S. — Như trước đã nói: lý với sự không thể rời nhau, nếu không biết lý thời không thể nào bình-phẩm sự tướng cho được. Tuy vậy, chúng tôi cũng chịu lòng biện bạch đôi điều về sự-tướng.

N.V. — Đã phân tách ra đạo Phật trong lý-thuyết của Phật tử cùng đạo Phật thực-hành của đời người và đẹp cái đạo Phật thứ nhất về một bên, chúng tôi không còn ngần ngại gì mà không quả quyết nói rằng đạo Phật thứ hai này có nhiều điều trái với sự sống. Một chứng cứ chắc chắn cho nhời nói của chúng tôi là nếu khắp cả các dân-tộc tự nhiên đua nhau theo đạo Phật, đua nhau theo một cách triệt-để, nghĩa là vào chùa đi tu thì loài người trong một thời gian rất ngắn sẽ lên cõi nát bần hết hay nói cho rõ ra, sẽ chết đói hết, chẳng còn ai sống nữa để đi tu.

L. T. S. — Trong các tôn-giáo, những bậc truyền đạo thường không lấy vợ lấy chồng để khỏi lo việc gia-dinh và chuyên tâm về mặt truyền-bá đạo lý, nhưng đó là về phần ít mà thôi. Đạo Phật có chúng tại-gia, có chúng xuất-gia, bên nào cũng có thể tu thành Phật được cả. Dầu cho như lời ông H. T. nói, mọi người đều biết tu hành thành Phật thành Bồ-Tát cả thì đáng mừng cho họ lắm, vì đã bước từ một cảnh-giới cực khổ lên một cảnh-giới sung sướng.

Song nhân-loại ở Thế-giới này cũng ví như một trường tiểu-học đã nói trên kia, dầu tất cả học trò đều thi đỗ đi nữa (một chuyện xưa nay chưa từng có) thì chắc cũng có học trò mới vào học, chớ vị tất phải để trường trống. Nói cho cùng, dầu cho cả nước toàn là người học giỏi không còn ai học trường tiểu-học, thì đối trường tiểu-học làm trường trung-học cũng nên, việc gì phải lo ngại.

N.V. — Một hôm chúng tôi nghe một tin - đồn chán thành của đạo Phật than van: « Người đời thực điên cuồng, tham danh chuộng lợi mà làm gì? Ăn ngon mặc đẹp mà làm gì? Lên chùa ở, rau muối nấu sòng thế cũng xong ». Người ấy có ngờ đâu rằng chín mươi phần trăm người đời bây giờ đến rau muối cũng không có mà ăn, nấu sòng cũng không có mà mặc. Nếu cứ kéo nhau lên chùa mà đủ ăn đủ mặc thì ai còn muốn bỏn ba làm gì.

L. T. S. — Câu nói trên chỉ là câu nói khuyên đời nên tiết-kiệm mà thôi; đến như ông H. T. nói rằng 90 phần 100 người không có rau muối mà ăn, không có nấu

sòng mà mặc, thì có phần quá đáng. Nhưng nếu nhơn-loại bớt đều lãng phí, bớt sự chơi bời lêu lộng, nếu ai ai cũng bớt cờ bạc rượu chè, cũng biết ăn mặc một cách giản tiện, cũng biết làm duyên làm phước, thời tất cả thế giới, chắc không bao giờ còn sanh ra những sự đói rách được nữa.

N.V. — *Chẳng qua luật sinh lý ràng buộc người ta thúc dục người ta.*

L. T. S. — Dầu không phải vì sự thiếu ăn thiếu mặc, nhưng vì sự cung-cấp của xã-hội, người đạo Phật cũng phải báo chúng sanh-ân và làm việc cho xã-hội. Làm việc và tu tâm, hai điều ấy không trái nhau, xin ông H. T. chớ lầm.

N.V. — *Chúng tôi nhắc lại chuyện này để chứng rằng những người họ quên mình trong kinh kệ thực đã đặt mình ra ngoài cuộc đời, đối với đời có một quan niệm rất lầm lạc. Họ sống trong vòng mộng tưởng đầu đầu, cái thực chung quanh mình họ, họ không biết đến.*

L. T. S. — Ông H. T., tự nói, rồi ông tự bắt lấy, thật hay đáo để nhưng tiếc một điều là không đúng với sự thật. Người xuất-gia vẫn sống mọi cái sống khác thường, một cái sống đề trừ những quan-niệm lầm lạc của thế-gian, một cái sống để nhận sự thật ở quanh mình; nên chỉ đối với những kẻ còn trong vòng mộng-huyễn thì quyết không biết cái sống của họ là thế nào.

Chính ông H. T. ông tưởng rằng ông sống với sự thật, mà thiệt ra, ông chỉ sống trong vòng mộng-tưởng vì nếu ông đi khắp thành phố Huế, vị tất ông đã tìm được mười người thiệt không có rau mà ăn, thiệt không có áo mà mặc, có đâu đến 90/100 như ông đã nói. Huống chi, muốn cho trong đời khỏi phải có người đói lạnh thì cần phải truyền một đạo lý khuyên người đời tiết kiệm để làm duyên làm phước, chớ nếu ai lo phần nấy, chỉ lo tự mình sống một cuộc đời nông nản và say sưa thì có lợi ích gì cho những kẻ đói rét.

N.V. — *Một đạo giáo không nhìn nhận những sự thực giữa đời, những luật phép chỉ ph i sự tiến hóa của loài người thì làm sao có thể cứu người đời được? Đó mới là một nhược điểm.*

L. T. S. — Người học Phật quyết nhìn nhận sự thật giữa đời, quyết thiết biết những sự chi-phối giữa đời để tiến-hóa y như lối chi-phối ấy một cách thiết-thiết, có thể cứu mình và cứu kẻ khác ra khỏi các sự khổ, nào có cái gì là nhược điểm đâu, chỉ vì ông H. T. chưa biết đạo Phật là gì đó thôi.

N. V. — Còn một nhược điểm nữa cũng quan hệ. Cái căn bản đạo Phật là hai chữ giác-ngộ. Trong hai điều : biết và làm, tin đồ nhà Phật đặt cái biết lên trên.

L. T. S. — Khi nào cũng phải biết trước rồi mới làm, nếu không biết làm càng thì bao giờ cũng sai lầm cả. Chẳng những Phật-học, mà dầu khoa-học hay các môn học-thuật khác cũng vậy, thế nào cũng phải biết rồi mới làm, nhưng đến khi làm rồi thì mới có thể thiết biết.

N. V. — Đành rằng có vô số câu trong kinh kệ khuyên người ta làm những điều đã biết ; nhưng cứ khéo khéo một tí muốn bắt người xưa nói gì lại không được.

L. T. S. — Đạo Phật nghĩa lý rạch ròi phân minh, dễ gì mà nói càng được. Kinh kệ đạo Phật tuy nhiều, song chỉ nói một việc mà thôi, Dầu cho có thể cắt nghĩa sai một câu kệ, nhưng đối với toàn bộ kinh hoặc đối với kinh khác, đối với lý-luận chánh đáng, cái sai đó nó cũng sờ sờ, làm sao mà giấu cho được. Cái nạn không học nói càng ở xứ ta đã lắm, nhưng không dè ngày nay nó lây tới những hạng thông-minh như ông H. T. thiệt đáng thương xót.

N. V. — Nếu không mất công tìm kiếm trong kinh kệ lời thôi, ta chỉ bằng vào cái đạo Phật thực-hành thì rõ ràng cái mục-dịch của tín-đồ nhà Phật là hiểu, biết giác-ngộ vậy. Ngồi xếp chân vòng tròn tay lẩn tràng hạt để suy nghĩ những lẽ đầu đầu về trời đất về luân-hồi, đó là công việc hàng ngày của họ. Họ cốt trau dồi phần tri-thức. Nhưng tri-thức người ta cũng như một bông hoa, mà mọi sự thực ở đời là đám đất để trồng hoa. Hoa lìa đất hoa héo, tri thức của tín đồ nhà Phật xa cuộc đời thực tế nên chỉ có những sự hiểu biết khô khan cùng những điều suy nghĩ vơ vẩn không bao giờ giúp họ làm nên việc gì.

L. T. S. — Ông H. T. ví dụ như vậy là chưa đúng. Muốn cho đúng thì phải nói tri-thức của người như kẻ trồng hoa, chi phối giữa vụ-trụ như đám đất, còn những sự giữa đời như hoa quả. Người trồng hoa có khôn khéo, biết đám đất mình thế nào thì hoa quả mới tốt tươi. Cuộc đời là hiệu-quả của những chi-phối trong vũ-trụ ; người đời có biết, có thiết biết những chi-phối ấy thời mới có thể xoay chuyển cuộc đời, dời cái thế-giới tham lam cực khổ ra thế-giới an lành trong sạch. Nếu không biết vậy thì chỉ xoay vần theo hoàn-cảnh, dầu lời nói hay ho đi nữa, nhưng đối với sự thật, vẫn không lợi ích gì cho nhân-loại.

N.V. — *Vả họ có muốn làm việc gì đâu.*

L. T. S. — Người đạo Phật không muốn việc gì cho mình, nhưng đối với tất cả chúng sanh thì đều có phát nguyện cứu độ thoát khỏi các sự khổ. Đã phát nguyện độ tất cả chúng sanh ra ngoài các sự khổ thì tất phải làm việc vô-lượng vô số kiếp, sao lại không có việc làm !

N.V. — *Cái thế - giới hình sắc đối với họ là một thế-giới huyền-tưởng.*

L. T. S. — Ông H. T. nói phải lắm, chẳng những thế, giới hữu-hình là huyền, cho đến cái vô-hình cũng là huyền-Biết là huyền mới không bị hoàn-cảnh sai khiến, biết là huyền có thể cải tạo những thế-giới độc-ác ra thế-giới hiền lành trong sạch.

N.V. — *Họ không ưng lưu dấu vết của họ trên thế-giới này.*

L. T. S. — những dấu vết như huyền, dầu có lưu lại hay không lưu lại, vẫn không quan hệ gì, song những tâm trí đã nhờ họ mở mang, những thế-giới đã nhờ họ cải-tạo ra lương-thiện, vị tất không phải là dấu vết của những người học Phật.

N.V. — *Cái gốc của mọi sự hành động ở đời là lòng ham muốn.*

L. T. S. — Lòng muốn cho mình được danh lợi là tham, cần phải dứt bỏ, lòng muốn cho tất cả chúng sanh được an vui là nguyện, cần phải khoách-trương, người học Phật muốn cho nguyện lực rộng lớn nên cần phải trừ lòng tham dục.

Chí-sĩ vì nước nhà mà hết lòng trung nghĩa, cha mẹ vì con cái mà cực-dục cù lao, cái gốc những sự hành động

như vậy nào phải chỉ là lòng ham muốn dẫu, trong ấy còn có cái tinh-thần đặc-biệt, ra ngoài những sự ham muốn.

N.V. — *Họ tìm cách để giết lòng ham muốn, cho dẫu lòng ham muốn chính đáng cũng vậy.*

L. T. S. — Đã ham muốn riêng về phần mình thì không bao giờ gọi là chánh đáng được cả.

N.V. — *Trong lúc đạo Gia-tô tổ-chức một giáo-hội vững vàng, sai người truyền đạo khắp nơi, nhưng tay vào hầu hết mọi việc giữa xã-hội, đạo Phật đời đời cứ tĩnh tọa vô vi.*

L. T. S. — Phép vô-vi đạo Phật, lý nghĩa sâu xa lắm, chẳng phải những người chưa học đạo Phật mà hiểu biết được. Một điều chắc chắn là hơn-loại chưa hề vì đạo Phật mà gây nên những tấn tuồng đổ máu. Đến như những việc giúp đỡ giữa xã-hội, thì người đạo Phật cũng biết làm duyên làm phước như ai, chỉ không tổ-chức thành đoàn thể đó thôi. Song nói như vậy cũng chỉ nói riêng về xứ mình, chớ ở Nhật-Bổn thì 7, 800 trăm năm về trước, người đạo Phật đã có tổ-chức những cơ-quan chấn-tế, Hiện nay thì ở các nước có đạo Phật như Tàu, như Xiêm-La, như Nhật-Bổn, các nhà tín-đồ đạo Phật đều có lập những cơ-quan như vậy cả, duy có xứ ta là chưa có mà thôi.

N.V. — *Chúng tôi không lấy làm lạ sao đạo Phật đã được Á-đông sùng thờ: Nó là đạo những dân-lộc lười.*

L. T. S. — Sao ông H. T. không ngó lại những nước đạo Phật khác mà vội phê-bình như vậy. Xứ ta, về đời Lý, đời Trần, khoáng-trương Phật-học làm công-giáo nên có cái tinh-thần hùng-dũng đặc-biệt, chống cự được binh Nguyên trong mấy mươi năm. Về sau nước ta làm rợ-thuộc của Tàu, bị Tàu bắt theo Nho-học nên càng ngày càng bèn yếu đó thôi. Nếu chính mình đổ lười, rồi cho rằng tất cả cõi Á-Đông đều là lười thì có phần quá đáng lắm. Song muốn trị bệnh lười ở xứ ta thì quyết phải hoằng-dương Phật-pháp, vì Phật-pháp có cái tinh-thần dũng-mãnh đủ trị bệnh lười biến.

N.V. — Sống ở thời-đại này, thanh niên nước ta không thể lười được nữa, không thể đứng mãi trên mây từng mây vòng tay nhìn những cơn phong ba dữ dội đương rung động cả hoàn cầu. Chúng ta phải dẫn mình vào nơi sóng gió, cùng vui buồn, cùng lo sợ, cùng đau khổ với mọi người. Một dân-tộc thờ chủ nghĩa vô vi ở thời đại này thực là đưa mình vào cõi chết và chủ nghĩa vô vi là chủ nghĩa tự sát vậy.

L. T. S. — Ông H. T. không hiểu vô-vi là chi, nên ông cắt nghĩa là lười, rồi hơn đó ông bát đạo Phật là lười thiệt là trái lẽ. Ông thử xem ở A-Đông này những nước tu theo đạo Phật giỏi hơn mình, họ có chậm trễ như mình không? Họ cũng tàu bay, họ cũng tàu lặn, họ cũng phát minh những sự tối-tân trong khoa học, cũng chế-tạo những máy móc rất tinh xảo, cũng tranh-chiếm những thị-trường ở thế-giới, mà họ vẫn theo đạo Phật; vậy ông nương vào duyên có gì mà bảo rằng; người đạo Phật đưa mình vào cõi chết!

Đạo Phật cốt đề duy-trì đạo đức, người có học-thức và có đạo đức mới có thể siêng năng lo lợi ích chung, mới thiết hữu-dụng cho quốc-gia xứ-sở.

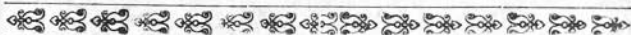
N.V. -- Chúng tôi viết bài này cốt nhắc nhở riêng các bạn thanh niên. Chúng tôi không muốn khuyên những người có tuổi mà bao nhiêu sự đau khổ ở đời đã đưa đến cửa Phật. Những người ấy xã-hội nên đề cho họ yên. Họ trở về với đời không ích gì cho đời mà thêm khổ họ. Cừ đề họ trông nom các ngôi chùa, giữ lại cho khách viếng chùa, cái thi vị bóng hoàng-hôn trên đồi sắn cùng tiếng mõ, mùi hương trong giấy phất có thể làm người ta quên những sự mệt nhọc của cuộc đời huyên-náo thế cũng là một điều hay.

L. T. S. — Một tôn-giáo lúc nào cũng có lý có sự, trong lý có sự trong sự có lý, tiếng chuông tiếng mõ có thể thức-tỉnh lòng người, làm cho bớt nổi tư-tâm, lo việc công ích thì cũng là một sự hay ho lắm vậy.

Thanh-niên xứ ta hiện nay đương chen nhau vào đường khoa-học nếu không có đạo-lý để duy-trì đức-tánh thì khó khỏi cái nạn tham dục vô yểm, sanh ra những tấn tuồng ích kỷ hại nhơn ở đời này. Mà đạo lý thì lại cần phải lựa một đạo lý hiệp với khoa-học nghĩa là một đạo lý như đạo Phật không bắt phải ý-lại và mê-tín.

Chúng tôi thiết không có ý dẫu tránh, chỉ vì sợ trái phải khó phân, chánh tà lộn lạo nên mới biện bạch cho rõ, xin độc-giả lượng thứ.

VIÊN-ÂM



CÁC TÔNG PHÁI ĐẠO PHẬT

Trong quyển này ông Đoàn trung Còn có công tham cứu những sách chữ Pháp về các Tông phái bên Nhật Bản, độc giả nên xem cho biết. Chỗ nào chưa được rõ ràng, xin hãy tham cứu bài giảng về chữ «Pháp» trong Viên Âm số 15.



KHOA-HỌC VỚI PHẬT PHÁP

Giữa khi Khoa-học thịnh-hành, cơ-khí phát-đạt, nào tàu bay, tàu lặn, điện-học, hóa-học, đương thiết-bành cải-tạo hoàn-cảnh của nhơn-loại, có người thấy đem Phật-pháp ra chần-hung, truyền bá mà nghĩ là không hiệp thời và tưởng lầm rằng Phật-Pháp tương phản với Khoa-học. Điều ấy cần phải biện-bạch cho rõ.

Mục đích của Khoa-Học

Phàm muốn xét đoán một việc gì cho xác đáng, cần phải suy tầm đến nguyên-nhơn, quan-sát đến mục-đích thời mới khỏi cái nạn vô-đoán. Mục-đích của Khoa-học có thể chia làm hai phần như sau này :

Phần thứ nhất là mục đích chung của các sự học, cốt để biết một cách chơn-thật xác-đáng. Người ta sinh ra ở đời, nếu đem thân mình so sánh với vũ-trụ mênh-mác bao la thời thật là nhỏ - nhen yếu lược, nên thường bị chi phối của hoàn-cảnh nó hạn chế không có một phút nào được tự chủ : Nào nắng mưa sấm sét, nào bão lụt đông tố, biết bao nhiêu hiện-tượng quái-kỳ thường ngày phô diễn trước mắt bên tai. Loài người thường chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh mà không biết nguồn gốc của nó ra thế nào ; vì vậy mà sinh lòng muốn biết cho khỏi những sự lù mù. Cái lòng muốn biết một cách chắc chắn ấy là duyên cớ phát-sanh ra các học-thuyết và cũng là một duyên-cớ phát-sanh ra khoa-học.

Phần thứ hai là mục đích riêng của Khoa-học, cốt để cải tạo hoàn-cảnh và mưu cầu hạnh phúc cho nhơn-loại. Các nhà tri-thức thấy nhân loại lầm than, lâm cảnh ngày đồ mồ hôi sôi nước mắt mà chưa chắc đủ ăn đủ mặc, nên muốn tìm máy móc thế cho nhơn-công, để cho người làm ruộng khỏi sợ mất mùa, người làm thợ khỏi

sợ hư hỏng, người đi buôn vận tải hàng-hóa được dễ dàng và giao-thông được tiện lợi. Lại vì thấy nhiều tật bệnh làm thiệt hại cho nơon dân, nên phải khoách-trương y-học để diệt trừ bớt những đêu thống khổ. Đó cũng là một duyên cớ bắt nơon-loại phải phát-minh khoa-học. *Khoa học tiến-bộ một cách đặt-biệt ở Âu-châu là nhờ hoàn cảnh.*

Hai duyên cớ ấy nước nào cũng phải có, đáng lẽ khoa-học đều phải phát-triển in nhau, có sao trong 400 năm, khoa-học ở các nước Âu-tây tiến-bộ, bộ lại xấp mảy lần hơn Á-đông như vậy ?

Chúng ta thử nghĩ : chính như trong nước Nam ta đây, máy móc nào phải tuyệt nhiên không có đâu, từ mô mò đến giờ, chúng ta đã có địa-bàn; đã có đèn pháo, đã có máy dệt vải, xe đạp nước ; vẫn biết chưa phải toàn là của mình, nhưng cũng đủ triệu-chứng rằng người mình không phải là không có óc khoa-học. Chỉ vì một lẽ mà ai cũng phải công-nhận, là con đường xu-hướng của hạng trí-thức nước mình có khác nên khoa-học phải đứng bộ. Cái xu-hướng của toàn-thê hạng trí-thức nước ta ngày xưa là nghề thi-cũ, là lối văn-chương, ai thông minh nhiều thi làm quan to, ai thông minh ít thi làm quan nhỏ, dẫu cho không được làm quan, mà về làng cũng câu khóa, ông đồ, vinh vang biết mảy !

Còn công-nghệ thì chỉ để cho hạng bình dân đốt nát, nên khoa-học đã không phát-triển mà lại có phần thối-bộ.

Bên Âu-châu thì khác, khí hậu lạnh lẽo, dẫu nhà nghèo cũng cần phải có cái nhà kín để ở, cái áo ấm để che thân, không thì phải chết rét. Lại còn mỗi năm ba bốn tháng bị tuyết xuống nên việc ăn làm phải đình trệ. Vì vậy mà trong khoản thời-gian có thể làm việc được, họ phải làm mau xấp mảy lần để giữ phòng khi tuyết giá.

Đường sanh-hoạt đã quần-bách như vậy, mà bên Âu-châu, về thời-đại trung-cổ thì duy có quý-tộc đủ các quyền lợi làm quan to, ăn lương nhiều, còn những

hạng bình-dân, dầu thông-minh lanh lợi, học giỏi đến đâu đi nữa cũng chỉ ghép về thương-mãi, công-nghệ và canh-nông mà thôi.

Chính hạng thông-minh bị vất vả này là những người tối tiên đã phát-minh về khoa-học. Họ đã không có hy-vọng gì trên con đường chính-trị, nên quyết phải tìm một cách dựng một danh-vọng to tác giữa đời, trên con đường thực-tế: họ phát-minh những sự lù mù và sáng-tạo những cơ-khí tinh xảo để khoách-trương nghệ-nghiệp của mình và giữ một món lợi quyền ra ngoài các lợi quyền của qui-phái. Vì thế mà khoa-học bắt đầu thiết thiết ra đời, ra đời trong một hoàn-cảnh thích-hợp, nên càng ngày càng tiến-bộ.

Thấm-thoát đến ngày nay, khoa-học đã làm cho Âu với A khác nhau như trời với vực. Khoa-học cải-tạo hoàn-cảnh, đến nỗi các nhà đại khoa-học đương thời đã chiếm được cái địa-vị tối cao ở Âu-Mỹ thế cho các hạng qui phái.

Lợi-ích của khoa-học.

Hiện nầy, nhờ khoa-học mà thấy máy bay tận trời, tàu lặn sát biển; thông-thương thì có xe hỏa, tàu thủy, giao-thiệp thì có giấy thép, vô-tuyến-điện, dầu xa ngoài ngàn dặm cũng gần như gần tấc.

Về phần vật-chất, hay muốn nói cho đúng là về cái sống của xu-xác, khoa-học làm cho nhơn-quần bớt sự cơ-hàn, ít đều thống-khổ, không hao công nhọc sức mảy mà làm được nhiều việc. Khoa-học làm cho loài người thấy được những điều chưa từng thấy, nghe được những điều chưa từng nghe, công-dụng của khoa-học như vậy không phải là ít.

Về phần tinh-thần thì khoa-học xét rõ nguyên-nhơn của các sự tai-dị, xét rõ trạng-thái quá-khứ của quả địa-cầu, nên đã đem tâm-trí loài người lên một tầng bậc khá cao, không còn bị cương-tỏa của những sự dị-đoan mê-tin. Vì vậy nên trọng khi khoa-học mới phát-minh,

một cuộc xung đột dữ dội đã diễn ra giữa khoa-học và thần-giáo, rõ rệt như ban ngày. Cũng vì vậy mà hiện nay ở những xứ khoa-học đã phát-minh nhiều thì thần-giáo đã bắt đầu mất thế-lực.

Vật-lý học, sanh-lý học, địa chất-học toàn là những môn nghiên-cứu, có thể xé tan những màn bức ám xung quanh ta, làm cho những lý thuyết tạo-hóa, linh-hồn không thể nào đứng vững được nữa.

Tai - hại của khoa-học.

Nhưng tiếc thay! Khoa-học lợi ích, mà trái lại, khoa-học cũng có sanh ra lắm điều tai hại.

Về phần vật-chất thì khoa-học tạo ra những lợi khi giết người xưa nay chưa từng có. Xem như trong cuộc đại-chiến vừa rồi mà phải ghê sợ cho khoa-học, nó đã làm chết mất mấy mươi triệu sanh linh lại tiêu-tan biết bao nhiêu tài-sản, tài-sản ấy có thể cứu được biết bao nhiêu sự nghèo-nàn của nhơn-loại. Chẳng những vậy mà hiện nay, tuy không có những cuộc binh lửa dữ dội như kia, mà nạn kinh-lẽ khủng-khoản đã làm biết bao nhiêu người thất-nghiệp, cơm không có ăn, áo không có mặc; đó cũng là một mặt trái rất đau thương của khoa-học.

Về phần tinh-thần thì khoa-học tuy đánh đổ thần-giáo mà tự mình không có lý-thuyết gì để đào-tạo đức-tánh cho nhơn-loại, nên khoa-học càng mở mang bao nhiêu, thì loài người lại càng theo vật-chất bấy nhiêu, đến nỗi nảy lên những lý-thuyết cạnh-tranh, nó làm cho nhơn-loại mất hết sự hòa-bình và gây ra biết bao nhiêu tấn tuồng lưu-huyết.

Khoa-học với Phật-học.

Lợi-ích khoa-học cũng nhiều mà tai hại khoa-học cũng không phải là ít, thì một mình khoa-học không thể tạo thành hạnh-phúc cho nhơn-loại. Vậy muốn cho khoa-học chỉ có lợi mà không có hại thì phải thế nào, điều ấy chắc khoa-học không thể giải-quyết được, vì khoa-học chỉ là một

cái lợi-khí, kết quả hay hay dở là tùy theo lối dùng phải hay trái mà thôi. Cũng như một con dao bén ở trong tay người đầu bếp thì có thể xắt đồ ăn mà nuôi sống cho kẻ khác, còn ở trong tay thằng ăn cướp thì dễ cắt cổ giết người, tùy theo chỗ dùng mà lợi hại có khác.

Vậy chủ-động dùng khoa-học là gì? — là nhơn-tâm. Nhơn-tâm độc ác, tham lam thì khoa-học là những máy móc để giết người, nhơn-tâm hiền lành ngay thẳng thì khoa-học là những cơ-quan để đỡ bớt những đau thống khổ. Nhưng muốn cho nhơn-tâm được hiền lành ngay thẳng thì phải thế nào?

Phải khoách-trương triết-học ư? Triết-học chỉ có lý-tưởng mà không có thiết-hành, vả lại phần nhiều đã xu-phụ theo khoa-học, thì làm sao mà điều-phục khoa-học cho được.

Huống nữa, những lối biện-luận về nhất nguyên, nhị nguyên hay đa nguyên, rốt cuộc cũng chỉ ôm một cái lù mù không thể giải-quyết, thì làm sao mà phát được tín-tâm cho những tâm-trí không ư lù-mù của các nhà khoa-học.

Nên khoách-trương thần-giáo ư? Thần-giáo tuy có thiết-hành nhưng lại hàm-súc nhiều điều khuyết-diểm về phương diện lý-tưởng. Cơ sở của thần-giáo nào là « Tạo-hóa khai thiên lập địa » nào là « linh-hồn bất tử » đã bị khoa-học đánh đổ, thì làm sao mà phát tín-tâm cho khoa-học được.

Xét cùng suy chín, muốn đào-tạo đức-tánh cho nhơn-loại để cho nhơn-loại chỉ dùng khoa-học về mặt phải, chứ đừng dùng về mặt trái, thì duy có khoách-trương Phật-học. Phật-pháp không có những sự viển-vông, những lối mê-tín, không bắt người sợ oai dựa thế một vì thiêng liêng nào hết; Phật-pháp chính nơi hiện-trạng của sự tai nghe mắt thấy, của tâm trí loài người mà thiết-thiết chỉ bày những lối tu tập chơn-chánh, nghĩa lý cũng có, thiết-hành cũng có, chứng-nghiệm cũng có, thiết đủ làm cho khoa-học phải khâm-phục.

Hiện nay ở nước ta, khoa-học được mở mang nhiều mà chơn-tính-thần của Phật-giáo cũng được hoăng dương là vì lẽ ấy.

Mong sao toàn thể các nước có khoa-học đều tham học đạo-lý của Phật để đào-tạo đức-tánh cho nhơn-quần thì chỗ dùng khoa-học mới có thể chỉ có lợi mà không có hại. Được vậy khoa-học mới có thể tạo-thành hạnh-phúc cho nhơn-loại và mới khỏi cô-phụ cái lòng bác ái, cái tinh thần cương quyết hy sanh của những người đã trải tâm canng với khoa học.

N. X. Thanh



AI MUỐN THỈNH KINH

Tại chùa Kim Cương Nam Vang (xứ Cao Mên) mới tạo bản và ấn hành bộ Kinh Tam Bảo gồm đủ: DI ĐÀ, HỒNG DANH, VU LAN, PHỔ MÔN, KIM CANG, bằng hai thứ chữ: một bên chữ Hán và có chữ Quốc ngữ âm một bên. rất tiện lợi cho sự đọc tụng.

Tiền thỉnh Kinh định giá như dưới này :
Kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan: 0.50 tiền còn
0.16

» Phổ Môn Tâm Kinh : 0.40 » 0.16

» Kim Cang : 0.60 » 0.16

Thỉnh nguyên bộ (3 quyển) giá : 1.50 » 0.25

Ai muốn thỉnh nhiều xin gởi thơ thương nghị riêng.

Thơ và mandat xin gởi Mr Nguyễn Văn Lắm, Secrétaire principal des postes et Télégraphes à Phnom Penh. (Cambodge)

Ý-KIẾN PHÁI PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

L. T. S. — Bản-san mở ra mục này cốt để nhận đăng các bài của phái phụ-nữ về vấn-đề Phật-học, hoặc bài bát, hoặc tía dương, miễn là có nghĩa lý thì bản san xin đăng lên, đề trong phái phụ-nữ bàn bạc xét đăng cùng nhau cho rõ các lẽ phải. Hiện nay ở Bắc-Kỳ đã có Ni-cô Huệ-Tâm, ở Trung-kỳ thì trong Tăng-già, ngoài cư-sĩ đã có nhiều bà tinh tường Phật-pháp như bà Đàm-Phượng, bà Diệu-Viên vân vân, tưởng cũng có lẽ giúp ích đôi phần về mục này đề cho chơn-tỉnh thần của đạo Phật được phổ bầy giữa phái phụ-nữ.

Trong mục này, miễn bài nào có nghĩa-lý thì chúng tôi xin đăng, không dám sửa đổi đề cho các bà các cô bàn bạc cùng nhau được tự-lại. Đến cuối năm sẽ có lời phê-bình của các ngài Chứng-Minh Đại-Đạo Sư, quyết định chỗ phải chỗ trái.

..

Chị em thanh-niên có nên học Phật không ?

Lâu nay phong-triều Phật-học sôi nổi trong cả ba kỳ, riêng về phần phụ-nữ kể cũng không phải là ít. Đại phàm đã tin-ngưỡng một đạo gì ít nữa cũng phải học cho hiểu một vài phần tôn-chỉ của đạo ấy, thì tín-tâm mỗi ngày mới tăng trưởng thêm lên và trong chỗ hành-vi mới khỏi các sự lầm lạc.

Như trong bài giảng của Ni-cô Huệ-Tâm ở Bắc-kỳ đã nói : « Chị em chúng ta theo Phật phần nhiều chỉ mong Phật ban ơn cho được vui vẻ, giàu sang, sung sướng, nhưng khổn thay ! cầu Phật mà không biết cách cầu, lạc về mê-tín thì chẳng những không hiệu nghiệm gì, lại còn mang tội đối với Phật-pháp nữa. »

Chị em muốn hiểu đạo Phật, khỏi lạc về mê-tin thì cần phải bàn luận cùng nhau, suy xét nghĩa lý cho đúng đắn mới được. Về phương-pháp cầu nguyện, tôi sẽ xin bàn sau ; hiện nay tôi chỉ xin trả lời câu hỏi nơi đầu bài này, một câu hỏi rất trọng yếu cho phái phụ-nữ.

Trong câu hỏi, tôi nói riêng về hạng thanh-niên là vì chị em thanh-niên tinh-thần hăng hái, chí nguyện sâu xa, có thể tham-học tinh-tướng giáo-lý và làm kim chỉ-nam cho sự tin-ngưỡng của xã-hội sau này khỏi phải lầm đường lạc nẻo. Đối với chị em thanh-niên trong thời-đại tự xưng là văn-minh này, tôi lại đem những chuyện đã cũ rích hơn 2.000 năm mà bàn luận thì chắc trong chị em có người cười tôi khéo bảo chị em xuống biển hái hoa, lên rừng bắt cá ; nhưng chỉ chị em lại thường thấy lắm người tin Phật, chỉ biết đi cúng, đi vái, cầu cạnh, ý lại nơi sự cảm-ưng, hoặc chỉ ở các chùa chiềng, lo việc tu niệm cho mau về cõi Cực-lạc mà an-duỡng.

Nếu đạo Phật chỉ có thế thì có ăn thua gì với nhơn-loại, với xã-hội, mà tôi đây cũng chẳng cần phải giới-thiệu cùng chị em làm gì. Nhưng trái lại, đạo Phật là một đạo rất bát ái, rất từ bi, rất hùng dũng, rất ưa hoạt động. Phật vì nhơn-loại, vì chúng-sanh, bỏ ngôi vua mà vào non Tuyết, xét tìm một đạo-lý chơn-chánh, đủ sức làm cho tất cả chúng-sanh đều được an-vui, lẽ đâu lại dạy cho các đệ-tử những lối ích-kỹ, lười-biếng, tránh những việc khó mà tìm chỗ an-ẩn một mình, không kể đến nhơn-loại đương trôi lăn trong bể khổ !

Chị em nên để tâm chỗ ấy mới khỏi nghi oan cho một đạo quý hóa vô ngần, mà hiện nay các nhà trí-thức cả hoàn-cầu đều để tâm nghiên-cứu.

Song đạo Phật đâu có cái tinh-thần cao-thượng như vậy, mà chị em thanh-niên nghiên-cứu đạo Phật thì có lợi ích gì về thiệt sự không ?

Xét ra từ khi Nho học trảng sang xứ ta, chị em đều phải khép vào trong khuôn tam-tùng tứ-đức của cái thuyết Khổng Mạnh, nên chức nghiệp phụ-nữ chỉ ở trong gia-đình, ngoài ra thì không được dự biết việc gì nữa.

Cái thuyết ấy cũng có phần hay, nhưng quyết không hợp với trình-độ phụ-nữ hiện thời, vì chị em ta đã bắt đầu mở mắt xem việc năm Châu, đã biết suy xét, gánh vác việc đời, thì khi nào chịu khép vào cái khuôn chật hẹp ấy nữa.

Mấy mươi năm về sau đây, Âu-hóa trảng sang xứ ta, chị em cũng đã hấp-thụ vài phần, nhưng đến nay xét lại cũng đã bắt đầu chán nản, vì thấy cái lợi rất ít mà cái hại quá nhiều : Âu hóa đã không nâng cao mà lại còn làm cho đề hèn giá trị của phụ-nữ. Trong phong-trào Âu-hóa kia, chị em đã in tuồng gần không giữ được cái địa-vị người bạn hiền khuyên bảo chồng trong cơn lăm lặc, cái địa-vị người mẹ lành dạy dỗ con về mặt đạo đức, mà lại tự nhậ cái địa-vị một đồ ngoạn mục của phái nam-tử ; thế thì khác nào một bà chủ vườn bỏ cái địa-vị mình, lãnh làm một cảnh hoa cho người ngắm nghía !

Theo lối cũ thì chị em phải khép vào những khuôn chật hẹp, theo lối mới thì chị em lại phải làm nô-lệ cho con mắt phái nam-tử. Vậy nếu chị em ta muốn được tự do và chiếm một địa-vị trọng yếu trong xã-hội thời phải thế nào ?

Muốn được như vậy, theo ý tôi thì chị em cần phải tham-học đạo-lý, trau dồi đức-tánh đáng chiếm cái địa-vị sư-phó về mặt đạo đức.

Chúng ta cảm tình rất nặng, muốn cho thông dong tự tại không bị chi phối của hoàn-cảnh sai khiến, thì cần phải nương theo một đạo lý chơn-chánh, xét rõ nguyên nhơn của vũ-trụ và nhơn-sanh, vui cũng biết vì sao mà

vui, buồn cũng biết vì sao mà buồn, thương cũng biết vì sao mà thương, ghét cũng biết vì sao mà ghét, sống cũng biết vì sao mà sống, chết cũng biết vì sao mà chết, rồi mới có thể tự mình làm chủ lấy mình, đem cái trí sáng suốt kia mà khuyên chồng, dạy con, tạo thành hạnh-phúc trong gia-đình, hạnh-phúc trong xã-hội.

Song muốn nương theo đạo lý chơn chánh, cần phải tham học cho biết đạo lý chơn chánh, bàn đi luận lại, suy cùng nghĩ tới, bỏ những điều mê tín, bỏ những lối dị đoan, tự nhận con đường tấn hóa thiết thiết của tâm-tánh, rồi mới có thể cải cách những sự mê lầm, trau dồi cái tánh thanh tịnh và về sau mới có thể dứt sạch những vọng-chấp và hoàn toàn giác-ngộ: hoàn toàn giác-ngộ tức là thành Phật.

Nếu chị em y theo con đường ấy mà đi thì mới chắc là tự do và mới chắc chiếm được một địa-vị tối-cao tối-thượng trong gia-đình và xã-hội.

Một sự ích-lợi như vậy, có nên làm không? Xin chị em suy xét.

DIEU-KHÔNG Nữ-sĩ





DIỄN ĐÀN

(Bài giảng hôm rằm tháng chạp; năm Bảo-Đại thứ tám
(29 Janvier 1934) tại Phật-Học-Hội, chùa Từ-Quang Huế.

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Phật, Pháp, Tăng là tam-bảo, kỳ trước đã giảng về Phật bảo rồi, nên kỳ này chúng tôi xin giảng về Pháp-bảo.

Chữ Pháp, theo tiếng Ấn-Độ là Dharma, nghĩa là những sự vật « nắm giữ tự-tánh, có khuôn phép đủ làm cho biết là sự ấy, vật ấy ».

Chữ Pháp nghĩa rộng như vậy, nên dầu trong thế-gian hay xuất-thế-gian, không một cái gì mà không phải là pháp cả. Song hôm nay tôi giảng đây là giảng về pháp-bảo của đạo Phật, tức là *Phật-pháp*.

Phật là *vô-thượng chánh-biến-giác*, Phật-pháp là pháp vô-thượng chánh-biến-giác là cái pháp giữ gìn tự-tánh vô-thượng chánh-biến-giác có khuôn phép, đủ làm cho biết đó là Phật-pháp.

Vì chúng sanh mê-chấp không tự giác-ngộ, say mê theo vọng-tưởng giả danh, gây ra nghiệp-chướng và chịu lắm điều khổ sở, nên Phật chỉ dạy những phương-pháp phá-trừ mê-chấp, để cho chúng sanh y theo đó mà tu hành cho hết bịnh mê-làm và chứng được vô-thượng chánh-biến-giác.

Vậy Pháp của Phật là phương-châm để trừ bệnh mê-chấp của chúng sanh; bệnh mê-chấp của chúng sanh nhiều chứng, kẻ chứng này người chứng khác, thì Phật-pháp cũng có nhiều phương.

Phật đối với chúng sanh cũng như ông thầy thuốc đối với bệnh, tùy theo căn bệnh mà cho phương thuốc khác nhau; bệnh đáng dùng nhơn-sâm thời cho nhơn-sâm, bệnh đáng dùng rau má thì cho rau má; miếng cho lành bệnh là được. Phương thuốc không luận quý hay tiện, hề dùng trúng, lành bệnh là thuốc hay; nếu không biết thế, chỉ nghĩ rằng nhơn-sâm là quý rồi bệnh nào cũng cho uống nhơn-sâm, thời chẳng những nhiều bệnh không lành mà rồi có bệnh phải vì nhơn-sâm mà chết.

Phật-pháp cũng vậy: cao hay thấp, khó hay dễ là tùy theo căn-trí của chúng sanh, cốt yếu là làm cho chúng sanh hiểu được, tin được, dặng về sau chứng dặng tâm-tánh bản-lai thường-trụ.

Song cái tâm cũng là một pháp thì tâm-tánh cũng là pháp-tánh, miễn cho chứng được tánh chơn-thiệt của một pháp rồi, thời toàn-thể các pháp cũng không ngoài pháp-tánh ấy cả.

Chư Phật chứng được pháp-tánh nên rõ biết tất cả vũ-trụ từ mấy lông sợi tóc cho đến vô-lượng vô-biên thế-giới một cách chơn-thiệt và hưởng được cái vui vô cùng vô tận của pháp-tánh thanh-tịnh. Phật thấy chúng sanh vẫn có thể chứng được Pháp-tánh và thành Phật chỉ vì mê lầm không biết tự-chứng mà phải nổi chìm trong lục-đạo rất đáng thương xót, nên Phật từ-bi hiện ra vô-lượng ứng-thân, chỉ vẽ đường tu cho tất cả chúng sanh để cho chúng sanh chứng dặng pháp-tánh.

Những phương-pháp của Phật dạy toàn là *phương-tiện* tùy theo chỗ hiểu của chúng sanh mà chỉ vẽ dặng cho chúng sanh tự tu, tự chứng lấy Pháp-tánh mà thôi nhưng đã là phương-tiện theo nghiệp-thức của chúng sanh thì không bao giờ chỉ đích xác được pháp-tánh.

Vì như có người lên núi thấy cọp, lúc trở về nói lại cho người khác nghe, nếu người kia chỉ nói cọp là cọp, thì chẳng ai hiểu là gì, nên phải phương-tiện nói rằng đầu cọp như đầu mèo mà to, lưng cọp như lưng bò mà có sọc tâu cau vân vân, hoặc vẽ con cọp ra nơi giấy để cho người khác có thể tưởng-tượng con cọp là thế nào mà thôi ; song phương-tiện đó cũng chỉ làm cho biết con cọp dường tượng, nếu muốn thấy rõ ràng con cọp thật thì tất nhiên phải lên núi rồi mới thấy được.

Phật-pháp cũng vậy, Phật-pháp chỉ là phương-tiện dạy cho chúng ta biết dường tượng pháp-tánh là chi, đến như muốn thật biết pháp-tánh thì phải gắng sức tu hành rồi mới chứng được pháp-tánh.

Pháp-tánh không xưa không nay, không có thời-gian không-gian, không thể đem lời nói mà nói được, không thể đem trí suy nghĩ mà nghĩ được. Trong kinh Pháp-Hoa, Phật dạy rằng : « Chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư », nghĩa là «thời thời đừng nói nữa, pháp của tôi nhiệm-mầu khó nghĩ».

Trong Hội Pháp-Hoa, đối với những vị đại-đệ-tử, toàn là các bậc thánh-hiền mà Phật còn cho là không thể phô bày ; đó chẳng phải vì Phật không muốn nói, mà là vì pháp-tánh là tuyệt-đối, chỉ có thể chứng được chứ không có thể đem lời nói trong vòng đối-đãi mà tả ra được.

Phật-pháp đã không thể nói phô, không thể nghĩ nghĩ, thời đã có nói ra đều là phương-tiện mà thôi. Vậy tôi trông mong các ngài đừng chấp nơi lời nói tôi trong bài giảng hôm nay, và chỉ nương theo lời nói đó, nhận cho được chỗ không thể nói, chỗ tuyệt-đối, tức là nhận pháp-tánh vậy.

Thưa các ngài, Phật-pháp có thể, có tướng, có dụng, nay tôi xin phương-tiện đem ví-dụ lục tục chỉ rõ cái thể, cái tướng và cái dụng ấy ra để cho các ngài rõ được chánh-pháp của Phật.

Thế

Thế của Phật-pháp tức là pháp-tánh là *pháp-giới-tánh*. Chữ thế đây nghĩa cũng như chữ thế trong hai chữ thân-thế. Thế thường nói hai chữ thân-thế là chỉ toàn-thế của một thân, trong ấy gồm đủ linh-thần và vật-chất : tất cả các bộ phận đều tóm gộp lại mà gọi chung một tiếng là thân-thế. Cái thế của thân là toàn-thân, nếu muốn chỉ riêng một bộ phận nào là thân-thế thì quyết không chỉ được ; mà tất cả các bộ-phận, không một bộ-phận nào không phải là thân - thế.

Vì sao ? Vì nếu chỉ cái đầu là thân-thế, thì làm sao còn gọi là cái đầu ; lại nếu chỉ cái đầu là thân-thế thôi chân, tay, bụng, ngực không phải là thân thế hay sao ? Nhưng nếu nói cái đầu không phải là thân thế, thì nó lại thành cái đầu của thân khác, mà cái thân không đầu kia làm sao còn gọi là thân được nữa. Vậy thì biết thân-thế là thân-thế, trong một thân không một bộ phận nào quyết định là thân thế, nhưng cũng không một bộ phận nào ra ngoài thân-thế được cả.

Suy nghiệm theo ví dụ như trên thì biết cái thế của Phật-pháp là thế nào ?

Cái thế ấy là tánh bình-đẳng như-như của pháp-giới tức là cái tánh của tất cả các pháp, là cái thế của vũ-trụ, tuy không một pháp nào có thể chỉ là pháp-tánh, nhưng cũng không pháp nào ra ngoài pháp-tánh ấy cả.

Vì như điện khí trùm khắp cả vũ-trụ, chỗ nào đủ các nhơn-duyên thời có cái hiệu dụng đèn đỏ máy chạy, nhưng thiệt ra không một chỗ nào không có điện khí. Pháp giới tánh cũng vậy, pháp tánh trùm khắp mười phương, tùy theo nhơn duyên mà hiện ra cõi này cõi khác, nhưng dầu cảnh dầu thân cũng không thế ra ngoài pháp-tánh. Pháp-tánh bản-nhiên thanh-tịnh, trùm khắp thái-hư, dầu dùng ra bao nhiêu cũng không thêm, dầu không dùng ra cũng không bớt ; chúng

ta mê không biết cái thể ấy nên không rõ thân chúng ta vì đâu mà có, cảnh chúng ta vì đâu mà thành, chỉ chấp nơi chỗ hẹp hòi mà không biết pháp-tánh rộng lớn. Cũng như kẻ đốt đèn dùng đèn điện, chỉ biết điện khi nơi đèn mà không biết điện khi cả toàn thể vũ trụ, đến nỗi lầm cho rằng đèn đỏ là có điện, đèn tắt là hết điện; Chúng ta mê lầm không rõ pháp-tánh, theo cái hay biết trong một thân mà có sống có chết, nên phải chịu luân-hồi, khổ sở nhiều đời nhiều kiếp. Nếu chúng ta tự nhận được cái pháp-tánh nơi tự tâm chúng ta, thì cái gì là thân, cái gì là mình còn không thể chỉ riêng thay, làm sao mà có sống có chết được nữa.

Pháp-tánh bản-lai bình-dĩng như-như : đức Phật Oai-Âm-Vương chứng được pháp-tánh rồi mới phương tiện chỉ dạy Phật pháp, đề cho chúng sanh tu tập chúng được pháp-tánh, thiết ra pháp-tánh hằng thường không thay đổi, dầu ở nơi Phật hay ở nơi chúng sanh cũng không thêm không bớt.

Tướng

Chữ tướng đây nghĩa cũng như chữ tướng trong hai chữ tướng-mạo, như trong thế-gian thường nói: nào là tướng thọ, tướng yếu, tướng đủ, tướng lành, vân vân.

Tướng của Phật-pháp có thể chia ra hai phần, một phần về thường-trụ Phật-pháp, một phần về phương-tiện Phật-pháp.

Về *thường-trụ Phật-pháp*, cái tướng đó tức là tướng chơn-thiết của các pháp, tức là cái tướng « *duyên sanh như huyền* ».

Vì dụ như một cái bàn, nguyên trước kia là khúc gỗ, nhờ cưa, nhờ dẽo, nhờ bào, nhờ đóng rồi mới thành cái bàn. Hiện nay biết đó là cái bàn, lại phải nhờ có mắt ngó, có thân đụng chạm, có tư-tướng phân-biệt thế nào là sắc, thế nào là không, thế nào là vuông, thế

nào là tròn, vắn vắn, rồi mới hóa thành cái bàn được. Trừ các nhơn-duyên ấy ra, thiết không còn cái gì là cái bàn cả. Cái bàn vẫn không thiết có, nhưng các nhơn-duyên đã hội-hiệp thì cũng in tưởng có ảnh-tượng giả dối của cái bàn, nên gọi cái bàn là «duyên-sanh như huyền».

Cái bàn, tuy duyên-sanh như huyền, nhưng trong chỗ duyên sanh vẫn đủ tự-tướng, cộng-tướng, nhơn-tướng và quả-tướng.

Tự-tướng là cái tướng vuông tròn dài ngắn, thơm ngọt vắn vắn của mỗi vật.

Cộng-tướng là cái tướng chung cùng với những vật đồng-loại; như cái bàn phải đủ tư-cách của loài bàn mới thành cái bàn.

Nhơn-tướng là nơi cái bàn ấy, có đủ các tướng của những nguyên-nhơn sanh ra nó.

Quả-tướng là nơi cái bàn ấy, cũng đủ các tướng của những quả mà nó có thể sanh ra được.

Nói rộng ra thì nhơn-duyên của mỗi pháp, trùng trùng vô tận, khắp cả pháp-giới, nên mỗi pháp đều có sáu tướng là :

1.) *Tổng-tướng*. — nghĩa là mỗi mỗi pháp đều do nhơn-duyên của tất cả các pháp tạo thành.

2.) *Biệt-tướng*. — nghĩa là trong các nhơn-duyên tạo thành một pháp, sắc-duyên vẫn là sắc-duyên, tâm-duyên vẫn là tâm-duyên, không lộn lạo nhau, cũng như ngói, gạch, rường, cột làm thành cái nhà, mà ngói vẫn là ngói, cột vẫn là cột.

3.) *Đồng-tướng*. — nghĩa là sự vật tuy nhiều, nhưng mỗi sự mỗi vật đều duyên khắp pháp-giới, bình-đẳng như nhau không khác.

4.) *Dị-tướng*. — nghĩa là tuy bình-đẳng không khác, nhưng cái duyên của mỗi pháp đều có tướng có dụng khác nhau.

5.) *Thành-tướng*. — nghĩa là tất cả các pháp như duyên cùng nhau mà thành toàn-thể.

6.) *Hội-tướng*. — nghĩa là nếu mỗi pháp đều an trụ bốn vị thì không một pháp nào thành-lập được cả.

Người thế-gian không hiểu lý duyên-sanh như-huyền ấy nên không biết hạnh-phúc của nhưn-loại tức là hạnh-phúc của cá-nhơn, tất cả nhưn-loại có được hạnh-phúc thì cá-nhơn mới có thể được hạnh-phúc; rồi xâm lấn nhau, giết hại nhau, mưu-cầu cái vui riêng của cá-nhơn mà không nghĩ đến cái tổn-hại của toàn-thể; rốt cuộc không bao giờ được vui, chỉ đem nhau dập vùi trong bể khổ.

Về *phương-tiện Phật-pháp* thì cái tướng cũng duyên-sanh như-huyền, nghĩa là tùy duyên tâm-niệm của chúng sanh mà phô bày ra ba tạng kinh điển để đem chúng sanh lên đường chánh giác.

Đức Thích-Ca khi mới thành đạo, thuyết kinh *Hoa-Nghiêm*, đem bảo-vị của chư Phật mà truyền cho chúng sanh, chỉ rõ nghĩa «pháp-giới-tánh trùng trùng duyên-khỉ» độ các bậc thượng-căn thượng-trí.

Về sau Phật thấy phần nhiều chúng sanh không lãnh được lý-nghĩa sâu xa ấy, nên Phật *phương-tiện* nói *A-Hàm*, nói *Phương-Đẳng*, nói *Bát-Nhã*, rồi rút lại, trong *Hội Pháp-Ba* cũng đem tất cả về «nhứt thừa thật-tướng».

Trong *Hội A-Hàm*, Phật chỉ phiền-não nghiệp-nhơn của chúng sanh để chúng sanh dứt trừ nghiệp-nhơn phiền-não, tu nhưn giải-thoát đặng chứng được quả vô-sanh của các bậc nhị-thừa.

Trong *Hội Phương-Đẳng*, Phật chỉ cái chơn đối đãi với vọng cũng chưa phải là chơn và dạy phép tu tập, phá trừ pháp-chấp đặng chứng được chơn-như thường-trụ.

Trong *Hội Bát-Nhã*, vì trong hàng đệ-tử nghe nói pháp-không-chơn-như, nhiều người còn chấp nơi pháp-không-chơn-như, không được tự-tại nên Phật phải chỉ rõ chơn-không bất-không và đem về chỗ vô-trí, vô-đắc.

Đến Hội Pháp-Hoa, Phật mới chỉ bất-khả-tư-nghì cảnh-giới, qui-nạp tất cả các phương-tiện về nhứt-thừa thật-tướng và chỉ rõ tánh-dụng của pháp-giới bản lai đủ như-thị-tướng, như-thị-tánh, như-thị-thể, như-thị-lực, như-thị-tác, như-thị-nhơn, như-thị-duyên, như-thị-quả, như-thị-báo, cho đến như-thị-bổn-mat cứu-kinh.

Đức Phật Thích-Ca năm thời thiết-giáo, như cho chúng sanh một núi châu báu, ai lượm được chút nào là quý chút nấy. Vì vậy, người tu theo Nhơn-thiên-thừa cũng được hưởng phước về sau, người tu theo Thanh-Văn, Duyên-giác thừa thì được giải-thoát khỏi vòng luân-hồi sanh tử, còn người tu Bồ-Tát thừa thì y như pháp-tánh mà tu hành cho đến khi viên-mãn quả Phật.

(còn nữa)

CUỐN ĐẠO-GIÁO TOME II RA ĐỜI

Chúng tôi mới tiếp đăng cuốn Đạo-Giáo tome II của M. Châu-Thiện-Tâm gởi biếu.

Soạn giả: Nguyễn-hữu-Đắc và C. Thiện-Tâm. Cuốn Đạo-Giáo này nói về kinh «cảm ứng» trong đạo Lão-Tử, có phụ bản Pháp-Văn, dày 47 tượng, giá 0\$40.

Thư mua bằng cò (timbre) hoặc mandat xin gởi cho ông : Nguyễn-văn-Khảm Staire du Gouvernement 4^e bureau à

Saigon.

ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM

Phật chỉ cái tánh không chỗ trả về của kiến-tinh

(tiếp theo)

Ong A-Nan nghe Phật dạy, tự xét biết chỗ sai lầm của mình, nên nhờ Phật chỉ cái tánh không chỗ trả về của chơn-tâm. Phật bèn nương nơi kiến-tinh mà chỉ rõ tánh ấy. Kiến-tinh thấy sáng, thấy tối, thấy sắc, thấy không, nhưng không phải như cái sáng có thể trả về cho mặt trời, cái sắc có thể trả về cho các vật có hình-tượng; đã không thể trả về đâu thời tự nhiên kiến-tinh là của ông A-Nan, chứ không còn là chi được nữa.

Tuy vậy, kiến-tinh chỉ là cái năng-kiến của tâm-thể chứ chưa phải thiết là tâm-thể. Chứng được tâm-thể hay không là tự nơi mình, chứ tâm-tánh hiện tiền chẳng phải vì không có pháp âm mà mất tánh nghe, vì không có cái sáng mà mất tánh thấy. Những cái có thể trả về được chỗ này chỗ khác quyết định không phải là mình, chứ những cái không chỗ trả về là về phần mình, tánh của nó là chơn-tánh của mình, còn tìm đâu xa nữa.

Song ông A-Nan còn nhận cái kiến-tánh ở ngoài thân nên hỏi Phật làm sao biết được kiến-tánh đó là chơn-tánh của ông; Phật mới bảo ông xem các vật-tượng từ xa đến gần, tuy vật-tượng có sai khác mà tánh thấy không có sai khác. Cái tánh thấy ấy nào phải đồng như một vật-tượng, vì nếu nó là một vật-tượng thì ông cũng có thể thấy được tánh thấy của Phật.

Tánh thấy đã không phải là vật-tượng mà hiện tiền nó soi khắp rõ ràng không phải như lông rùa sừng thỏ, thì cái kiến-tánh không phải vật-tượng và trùm khắp đó chẳng phải chơn-tánh của ông thì còn là chi được nữa.

Chơn-tánh sáng sáng đó quyết phải tự nhận mới được; nếu không tự nhận chơn-tánh, chấp cái ảnh-tượng của pháp-âm làm chơn-tánh thì cũng không khác chi chấp cái ngón tay tối tăm làm mặt trăng sáng suốt. Vô-thỉ, vô-thỉ, năng sở đồng một gốc, tâm cảnh khó chia hai, bỏ cảnh thời không biết lấy gì làm tâm, mà theo cảnh thì khó biết được tâm-tánh; chỗ ấy phải nhận cho rõ mới khỏi ôm cái vọng-tưởng của chúng sanh mà không rời, hay chấp cái minh-sơ của ngoại-đạo làm chơn-thiệt.

Song trong nhưt dụng, cái thấy cái nghe vẫn trùm khắp thái-hư, không thân, không sở, không tha không tự, duy phải một phen tự nhận, chính nơi vạn vật hiện tiền mà tự giải-thoát, như đá quăng xuống nước mà không hòa với nước, sen nở dưới bùn mà chẳng dính chút bùn, cũng không ly cảnh mà cũng không trước cảnh thì mới thiệt chứng bản-lai tâm-tánh.

(còn nữa)

(VIÊN-ÂM)



AI TÍN

Bà Đặng-Hửu Quê, Hội-viên thường-trợ Hội Phật-Học Hué đã từ trần ngày 25 tháng bảy (23 Aoút 1935) tại Tourane.

Hội-viên ở Đà-Thành có tới hộ niệm, dự lễ tổng-chung và tối mồng một tháng 8 (29 Aoút 1935) làm lễ cầu-siêu cho bà.

Được tin này Hội Phật-Học Hué đã thông cáo cho tất cả hội-viên hay và tối rằm tháng 8 (12 Septembre 1935) Hội làm lễ cầu-siêu cho bà tại hội-quán (chùa Từ-Quang).

PHẬT-HỌC-HỘI

經

嚴楞首

(續)

非月伽其爲我。所方在義。方在覓見。失小不土。
我日見是室絕。演諸此若者在。罽所仰夾。物規明國。
必居祇如一斷敷外縮。汝方定所。除相小能。然爲大圓方完。
性殿舍見滿令我內舒問定不義。但方令宇。牆不已覓心十未。
見室精此唯夾爲小有復不若斯。圓空見牆不。已覓心十未。
此藏歸尊中宇慈大見吾爲圓知。方虛縮築義迷中身受。
若勝退世室牆弘間言空方不。無除時若是來是來合。
尊王國廡在當垂世說方定應言。八更之面跡始於如能。
世天婆簷今爲願切應見復空汝。令言室日續無故同徧。
言四姿瞻界小在一不中爲罽空在。欲說八於無從轉則徧。
佛規徧但一爲所難塵罽空圓方爲復應問見寧生所物毛。
白來圓堂徧大義阿前方方安無何若不汝挽實取物轉一。
難如周戶周縮斯告屬如見別應云雄方如豈小切爲能於。
阿共見心來見知佛各譬所者中是阿無若汝爲一心若場。
我此清本此不業。中方罽如。時穿本。道。
餘宮藍體復今。事。器定方性。空。日斷。於。動。

KINH ĐIỂN ÂM

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TUC)

A Nan bạch Phật ngôn : «Thê-tôn, nhược thử
kiên tánh tất ngã phi dư, ngã dữ Như-Lai
quán Tứ Thiên-vương thảng tạng bảo điện, cư nhứt
nguyệt cung, thử kiên chu viên biên Ta bà quốc ; thối
quí Tinh-xá, chỉ kiên Già lam ; thanh tâm hộ đường,
dần chiêm thiêm vũ ; Thê-tôn, thử kiên như thị,
kỳ thê bản-lai chu biên nhứt giới ; kim tại thất
trung, duy mẫn nhứt thất ; vi phục thử kiên túc
đại vi tiểu, vi đương tượng vũ giáp linh đoạn
tuyệt ; ngã kim bất tri tư nghĩa sở tại, nguyện thủy
hoằng từ vi ngã phu diễn ».

Phật cáo A-Nan : «nhứt thê Thê-gian đại tiểu nội
ngoại chư sở sự nghiệp, các thuộc tiền-trần, bất
ưng thuyết ngôn kiên hữu thọ tức.

Thí như phương khí, trung kiên phương không ;
ngò phục vân như : thử phương khí trung sở kiên
phương không, vi phục định phương ? vi bất định
phương ? nhược định phương giả, biệt yên viên khí,
không ưng bất viên ; nhược bất định giả, tại phương
khí trung, ưng vô phương không ; như ngôn bất
tri tư nghĩa sở tại, nghĩa-tánh như thị, vân hà vi tại.

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Ông A-Nan bạch Phật rằng: « Thưa Thê-Tôn, như cái tánh thầy ấy chắc là tôi, không phải ai khác, thì tôi cùng Như-Lai xem cung điện quý báu của Tứ-Thiên-Vương, nơi cung Nhật-nguyệt, cái thầy ấy trùm khắp cả nước Ta-Bà (1); đến khi lui về Tinh-Xá (2) thì chỉ thầy Già-lam (3), còn thanh tâm chôn hộ-đường (4) thì chỉ thầy thêm nhà. Thưa Thê-Tôn, cái thầy như vậy, thế nó bản lai trùm khắp một cõi, nay ở trong nhà chỉ khắp một nhà, thế là cái thầy ấy rút lớn làm nhỏ hay là vì vách nhà ngăn đứt nên đứt đoạn. Nay tôi chẳng biết chỗ sở-do của nghĩa ấy, xin Phật từ-bi vì tôi chỉ rõ ».

Phật bảo ông A-Nan : « Tất cả các sự nghiệp trong thế-gian, nào lớn nào nhỏ nào trong nào ngoài đều thuộc về tiền-trần cả, ông chẳng nên nói cái thầy có go có đuôi.

Ví như trong đồ vườn thì thầy hư không vườn. Tôi lại hỏi ông: ở trong đồ vườn thầy hư không vườn, cái hư không vườn đó là nhứt định hay không nhứt định ? Nếu hư-không đồ nhứt định là vườn thì

1.) Ta-Bà. — Theo chữ Phạm là Saba. Tàu dịch là Năng Nhãn tức là Thế-giới hiện thời của chúng ta vậy.

2.) Tinh-xá. — Nghĩa đen là nhà thanh tịnh, là những sự tín-đồ lập ra để Phật đến ở và thuyết pháp.

3.) Già-lam. — là vườn chùa.

4.) Hộ-đường. — là phòng chái.

thay để đồ tròn, hư-không chỗ ấy lẽ phải không tròn !
Còn nêu hư-không đó không nhứt định là vuông, thì
ở trong đồ vuông, hư-không ấy lẽ phải không vuông.
Ông nói không biết chỗ sở-do của nghĩa ấy, song
nghĩa-tánh đã như vậy, làm sao lại có sở-do.

Ông A-Nan, như muốn đặng thể không vuông,
tròn, chỉ bỏ đồ vuông, thì thể hư-không bản-nhiên
không vuông, chớ nên nói rằng lại phải trừ tướng
vuông của hư-không nữa.

Như ông vừa hỏi, trong khi vào nhà, rút cái thầy
nhỏ lại, thì đến khi ngửa coi mặt trời, ông có
phải kéo cái thầy cho ngan mặt trời không? Còn
như nói cái thầy bị vách nhà ngăn dứt phải dứt
đoạn, thì thử xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thầy
có đầu nòi? Lẽ ấy chắc là không đúng.

Tất cả chúng sanh, từ vô-thỉ đến nay, mê mình làm
vật, bỏ mất bản tâm, bị vật phiến-chuyển (5), cho nên
ở trong ấy mới thầy có lớn có nhỏ. Như phiến-chuyển
được vật (6) thì động Như-Lai; trong thân, tâm viên-
minh bất-động đạo-trường, (7) thì trên đầu một mảy
lông cũng có thể trùm chứa mười phương quốc-độ.

(còn nữa)

(VIÊN-ÂM)

5*) *Bị vật phiến chuyển.* — Do nhơ-a-duyên của cảnh-vật
mà sanh vọng tưởng và lấy lắt theo cảnh-vật, nên gọi là bị vật
phiến-chuyển.

6*) *Phiến chuyển được vật.* — là chuyển tất cả pháp-giới
đem về tư tâm.

7*) *Thân-tâm-viên-minh bất-động đạo trường.* — Lấy
âm chơn thật tâm đạo-trường; thân là pháp-thân, tâm là chơn-
âm đều cùng khắp pháp-giới, trong sạch sáng suốt không thể
ay động được, nên gọi là thân-tâm viên-minh bất động đạo-trường;
trong đạo trường ấy lớn nhỏ bình-đẳng như-như, nếu mới tự tại,
ong lớn hiện nhỏ, trong nhỏ hiện lớn.

LUẬN - HỌC

TÂM-VƯƠNG 心王 VÀ TÂM-SỞ 心所

Tâm thức từ nhãn-thức cho đến a-lợi-da-thức đều có sức hiện-hành (phát khởi các tác dụng) được tự tại, không phải nhờ sức cái khác, nên gọi là tâm-vương.

Tâm-vương có tám : nhãn-thức tâm-vương, nhĩ-thức tâm-vương, tỉ-thức tâm-vương, thiệt-thức tâm-vương, thân-thức tâm-vương, ý-thức tâm-vương, mặt-na-thức tâm-vương, a-lợi-da-thức tâm-vương.

Tâm-vương cũng như vị quốc-vương, tuy có quyền ra hiệu-lệnh, song cũng cần phải có bá quan thay mặt thi-hành hiệu-lệnh mới được. Vì vậy nên có các môn tâm-sở (nghĩa là tâm-vương sở-hữu) để phụng-hành mệnh lệnh của tâm-vương làm việc này việc khác.

Tâm-vương có sức chủ-trì mà tự mình không thể gây-nghiệp ; song nếu chủ-trì vững-vàng thì các tâm-sở đủ không thể nổi lên được, cũng như trong lúc minh-quân trị nước thì tôi nịnh không thể cầm quyền vậy.

Tâm-sở do địa-vị thân sơ mà chia ra sáu vị, đều có chức-trách khác nhau, cộng là 51 món :

I. — Biến-hành 徧行 tâm-sở

Vị này rất thân-mật với tâm-vương, vì lúc nào, hực nào, giới hạn nào, vị nào cũng hiện-hành, như vị thừa-tướng đối với vua, nên gọi là biến-hành tâm-sở.

Biến-hành tâm-sở có 5 món là : xúc, tác-ý, thọ, tưởng, tư.

a) Xúc 觸 tâm sở. — Xúc nghĩa là cảm-ứng ; như bản-thức đối với cảnh, ban đầu vì có trợ-duyên nên cảm-ứng.

b) Tác-ý 作意 tâm-sở. — Khi phát-khởi ra cái nhãn-thức xem cảnh thì gọi là tác ý tâm-sở.

c) Thọ 受 tâm-sở. — Khi lãnh nạp cảnh ấy thì về thọ-tâm-sở.

Tưởng 想 tâm-sở. — Khi tượng tưởng cảnh ấy thế nào là về tưởng-tâm-sở.

Tư 思 tâm-sở. — Khi tâm nghĩ ngợi về cảnh ấy là về tư tâm-sở.

Năm món biến-hành tâm-sở rất thân-mật với tâm-vương, nên không thể thiết-hành tạo nghiệp, duy hai tâm-sở «tưởng» và «tư» có thể làm cơ sở cho sự tạo nghiệp mà thôi.

II. — Biệt-cảnh 別境 tâm-sở

Biệt-cảnh tâm-sở đều duyên cảnh giới của mình, thiết hành tạo nghiệp riêng của mình, cũng như các quan bộ-trưởng riêng làm một việc vậy.

Biệt cảnh tâm sở có năm món :

a) Dục 欲 tâm sở. — là lòng hi-vọng, nguyện-vọng.

b) Thắng giải 勝解 tâm sở. — là nơi cảnh đương hi-vọng, sanh lòng quyết định.

c) Niệm 念 tâm sở. — là ghi nhớ rõ ràng những cảnh đã kinh-nghiệm.

d) Định 定 tâm sở. — là giữ tâm chuyên về một cảnh, không xen việc khác.

Huệ 慧 tâm sở. — là soi xét, thông-suốt, lựa-chọn đều hay sự thiết.

Biệt-cảnh tâm-sở đều có chức tư riêng khác, và tùy theo cảnh, có thể có ba tánh là : thiện, ác và vô-ký ; như phát-nguyện tu hành là thiện, phát nguyện làm ăn cướp là ác, vân vân.

(còn nữa)

(Viên-Âm)

TIÊU - TỨC

Lễ cung-nghinh Thánh-dụ ban khen « **TIẾNG CHUÔNG SỚM** » tại chùa Bà-Đá (8 Aoút 1935)

Lễ bày rất long trọng.

Dự lễ có các vị đại-đức và chư-tăng trong nhiều sơn-môn ở Bắc-Kỳ, hơn một trăm vị.

Bên thiện-tín có đủ mặt tất cả các nhà quy-y cùng các bậc Quan-thân, các nhà thiện-tín trong thành phố.

Bức sắc-thư đề trong một hòm sắc sơn son thiếp vàng có che tàng và lọng. Trên hương-án lại có bày thất-sự và đốt lư-hương.

Sau một hồi chuông, Hòa-Thượng Đổ-Văn-Hỷ vào lễ năm lễ rồi lui ra. Sau đến Sư-cụ Đình-Xuân-Lạc cùng chư tăng đều vào trước hương-án bái vọng Hoàng-thượng và triều-đình.

Lạy rồi, sư-cụ Đình-Xuân-Lạc đọc bài chúc mừng, đại-ý tỏ lòng cảm tạ Tam Tôn-cung, Hoàng-thượng và Hoàng-hậu, và cảm tạ các quan Pháp, Nam và chư-thiện-tín. Sư-cụ lại khuyến khích trong sơn-môn làm thế nào cho tạp-chí « Tiếng Chuông Sớm » được phát-đạt và cho trong tùng-lâm có thể-thống, đề khôi phụ lòng chiếu-cổ của lương-triều. Đọc xong, cụ Nguyễn-Văn-Bình lấy tờ sắc-tử vái năm vái rồi tuyên đọc Thánh-chỉ. Đọc xong, cử tọa đều tung-hô :

Đại-Nam Hoàng-Đế vạn tuế.

Đại-Pháp vạn tuế.

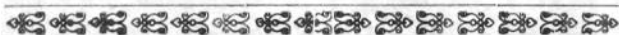
Lễ xong đồng ra chụp ảnh làm kỷ-niệm, rồi vào nhóm hội-đồng định việc chỉnh-đốn trong sơn môn và có cử các chức-vụ như sau này :

- 1.) Sáng-lập ban,
- 2.) Chánh phó chủ bút,
- 3.) Kiểm soạn kinh văn ban,
- 4.) Tổng thư ký ban,
- 5.) Cổ-văn khảo cứu ban,
- 6.) Đạo-sư tụng niệm ban.

∴

Viên Âm chúng tôi một lòng cảm tạ lòng hộ pháp của Tam Tôn cung, Hoàng Thượng và Hoàng Hậu và xin có lời mừng tạ chí Tiêng Chuông Sớm.

VIÊN-ÂM



KHUYẾN-HỌC

của

Nam-kỳ thư viện là một cơ quan chuyên
cổ-động về việc học, mỗi tháng xuất bản
hai kỳ, ngày 1er và 15.

Giá

Một năm 1\$00.

Một số 0, 05

Thư và mandat xin gửi cho ông Chủ
Nhiệm Nguyễn-xuân-Thái 39, Rue du Lac,
boîte postale n° 15

Hanoi

TRẢ LỜI THƠ ÔNG THIỆN-CHÍ CƯ-SĨ

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Chúng tôi tiếp được thơ ngài, rất cảm tạ lòng hộ pháp của ngài đã giới-thiệu Viên-Âm nguyệt-san cho nhiều độc-giả. Trong thơ ngài bày nhiều ý-kiến rất hoạt-bát, tỏ ra rằng ngài rất có lòng nghiên-cứu những vấn đề quang-trọng trong Phật-pháp.

Về vấn đề « cái hồn », chúng tôi đã nói trong nhiều bài, song chỉ vì vấn đề ấy rất có quan-hệ với lòng ngã-chấp nên cũng có nhiều độc-giả chưa được rõ lắm. Chúng tôi cũng định về sau khi đã dịch giải các luận trọng-yếu về Duy-thức-tồn rồi, chúng tôi sẽ nương theo Duy-thức thương-luân lại về vấn đề cái hồn một cách xác thiết.

Không ngờ trong Từ-Bi-Âm vừa rồi đăng bài « Phúc biện cái hồn », trong ấy nhiều chỗ đáng giải quyết, nên chúng tôi phải viết thơ hỏi Hoà-Thượng Bích-Liên, xin định tánh-cách cái hồn về pháp-tướng cho xác đáng, đăng y theo pháp-tướng, luận bàn cùng nhau một cách đúng đắn.

Trong thơ ấy chúng tôi nói danh-từ là danh-từ đặc-biệt của đạo Phật, đã có định hành-tướng rõ ràng trong các kinh luận; chứ như chữ « hồn » trong các kinh thì nó cũng như chữ « sơn », chữ « hà », chữ « tinh », chữ « thần », nó chỉ là những chữ Tàu mượn để dịch ý mà thôi, nào phải danh-từ của đạo Phật.

Chữ « hồn » ở trong các kinh ấy nghĩa vẫn mỗi chỗ mỗi khác, như trong chữ « hồn lự » thì hồn là tư-lâm-sở của ý thức, trong chữ « hồn-thần » thì hồn là phần

vi-lễ của thất-thức, trong chữ « tinh hồn » thì hồn lại chỉ về đệ-bát-thức, trong chữ « hờa-phách » thì hồn lại chỉ về ý-thức; đó là vì các vị tổ-sư theo lối thông thường dịch ý nghĩa cho dễ hiểu mà thôi. Song hành-tướng của cái hồn đã không có kinh nào chỉ đến, thì chữ hồn ấy cũng như những chữ « thiên-luân », « đồng khí » trong văn kinh Lăng-Nghiêm mà chúng tôi đã dịch, chớ nào phải một danh-từ của đạo Phật.

Mấy câu hỏi trong thơ chúng tôi gửi cho Hòa-Thượng Bích-Liên rất giản dị, chỉ đáp lại bằng một tiếng có hay một tiếng không là đủ, chắc Hòa-Thượng Bích-Liên, không sớm thì muộn, cũng sẽ trả lời, chừng ấy chúng tôi sẽ biện-luận về cái hồn một cách xát đáng, phá thường-kiến và đoạn-kiến của ngoại-đạo và chỉ rõ trung-đạo diệu-đế của Phật-giáo.

Còn về phép Tứ-y, chúng tôi sẽ có bài giảng-riêng về chỗ ấy.

Trong bài « Kinh-Hiền-Vi », vì muốn tránh lỗi « bất cực thành » của « Nhơn-Minh » nên chỉ y theo nguyên-văn mà bát, không dám bày ra ý-tưởng cao sâu của đạo Phật. Trong bài ấy, vì tùy duyên, có hiện vài phần phạm-phu-tướng, xin ngài lượng thứ.

Chúng tôi vì muốn hộ-trì chánh-pháp nên phải biện-luận cho rạch ròi nghĩa lý, chớ chẳng dám nói quanh nói quẩn, cải qua cải lại, làm rầy tai độc-giả, xin ngài chớ ngại.

Sau này có lời kính chúc ngài và các đạo-hữu kiên-cố Bồ-Đề-tám.

Nay kính

TÂM-MINH

THƠ HỎI CỦA ÔNG T. T.

Phan Thiết

à Monsieur le Directeur du Viên-Âm nguyệt-san à Huế

Thưa ngài,

Tôi sanh-bình rất tin ngưỡng Phật-Giáo, và vài năm nay nhờ gặp được sách vở chỉ bày, tôi đã có tập tham-thuyền. Nhưng một người đương lo theo công việc sanh nhai, lại có gia-đình phải gánh vác, có bằng-hữu tân-khách phải giao tiếp, thời không còn được mấy thì giờ thanh tịnh mà lo việc tâm thân mình. Tôi sợ tham-thuyền sơ lược như thế, e rồi kết quả không được gì, mà uổng cái đời người quý báu đã được hiểu đạo Phật.

Hoàn-cảnh tôi chỉ có tu pháp Tịnh-Độ là thích-hiệp. Tôi rất tin-tâm về Tịnh-Độ : vì tôi tin đức Thích-Ca, Từ-phụ chúng ta, hơn hết thấy mọi người, những học-thuyết do phạm-trí tìm kiếm ra không có học-thuyết gì làm ngăn ngại cho lòng tin tôi được. Vì thế tôi muốn đổi qua tu pháp môn Tịnh-Độ để phần vãng-sanh được chắc chắn hơn. Tôi xin Ngài làm phước bày cho tôi cách đọc Lục-Tự nữa là đủ.

Lục-tự, mấy đời ông bà mình vẫn đọc « Nam-vô A-Di-Đà Phật », nhưng đọc như thế không đúng danh-hiệu ngài Vô-Lượng-Thọ, chính danh-hiệu Ngài là « A-Mi-Fa », người Thiên-trước cho đến người Trung quốc, người Nhật-hồn đều đọc đúng cả, chỉ chữ Trung - quốc mà người mình học ra tiếng mình, đọc sai đi, nên chữ 彌 (Mi) mình đọc Di, chữ 佉 (Tà) mình đọc Đà, thành danh-hiệu ngài ba chữ mà người mình đọc sai hết hai chữ. Bây giờ đọc theo ông bà mình thời tôi sợ sai, vì không lẽ sự sai của ông bà mình mà đổi được danh-hiệu ngài đi; vậy bây giờ tôi xin đọc « Nam-vô A-Mi-Tà-Phật », lục-tự có được không? Hay là đọc « A-Mi-Ta Bà-Ha », ngũ tự, cho đúng danh-hiệu Ngài hơn? Bây giờ tôi chỉ muốn đọc cho đúng danh-hiệu Ngài, nhưng tôi chưa dám, tôi xin hỏi ngài đã, hoặc có cách đọc thế nào cho thiệt đúng hơn, xin Ngài làm phước bày cho tôi với. Muốn đợi ơn ngài.

TRẢ LỜI THƠ ÔNG T. T. THỪA-PHÁI

Citadelle Phan-Thiết

Nam-Mô A-Di-Đa Phật,

Tiếp được thơ ngài xin tùy bĩ lòng chánh-tín của ngài. Đạo Phật tuy nhiều phép tu nhưng không ngoài tham-thuýễn và tri niệm.

Tham-thuýễn là về mặt thực-ughiệm, trong khi hành-động mọi việc, vẫn nắm một dấu hỏi lớn mà nghiên-cứu tự-tâm, như hỏi : Tôi là chi ? Trước khi khi niệm hoặc trước khi vào thai, tôi là thể nào ? vân vân, cho đến khi liễu-ngộ tâm-tánh.

Tri niệm là về mặt khế-hiệp, chuyên tri danh hiệu Phật hoặc tri chú, thấu muốn niệm về một niệm Phật để khế-hiệp với tâm-tánh của Phật.

Hai phép ấy tuy là hai, nhưng chỗ xu-hướng là một, nên người niệm Phật cũng có thể minh-tâm kiến-tánh, mà người tu thuyên cũng có thể hồi-hướng vắng-sanh, miêng là chơn-chánh tu theo đạo Phật.

Đến như lối đọc hồng-danh của Phật, theo ý chúng tôi, miêng là trong tâm rõ biết đưc Phật A-Di-Đa là thể nào, thì dấu niệm theo tiếng mình hay tiếng Phạm, cũng đều có công-hiệu cả.

Về phần ông đã rõ hồng-danh Phật theo tiếng Phạm là « A-Mi-Ta » thì nên niệm « Nam-Mô A-Mi-Ta. Phật » (chữ Phật đã có ý nghĩa nhất định ở xứ mình, không cần phải đổi).

Trong quyền Viên-Âm số XI, chúng tôi đã chỉ rõ phép niệm Phật, xin ông gắng coi cho kỹ mà thiệ hành thì chắc mau có hiệu quả.

Sau này xin chúc ông đạo-thể vạn - an, Bồ-Đề kiên - cố.

(VIÊN-ÂM)



DỰ CÁO

SỐ 16

Sẽ có những bài :

Giác chiêm - bao, Hiện-trạng
Phật-giáo-đồ ở xứ ta, Tăng, Pháp
(tiếp theo), Tâm-vương và tâm sở
(tiếp theo) vàn vãn.



Cùng các vị độc giả

Bắt đầu từ số 16, chúng tôi sẽ liệt danh
những độc giả đã trả tiền nguyệt-san năm
thứ hai

VIÊN-ÂM



MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$0

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HU

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau. — Hué

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin Indochinois

Boîte postale N° 73 — Hué

KÍNH CÙNG ĐỘC-GIẢ

Thay mặt cho chúng tôi về phần thâu tiền và xuất biên-lai thì chúng tôi có cây :

Ở Faifo và Tam-kỳ, M. Đặng-ngọc-Chương

Ở Tourane M. Vũ-như-Kim ;

Ở Hué M. Ưng Tiển.

Trừ ra, xin lấy biên-lai của Tòa-soạn làm bằng cớ, vì chúng tôi không còn ủy thác ông nào xuất biên-lai và thâu tiền ở nơi nào nữa cả.

Xin độc giả chú ý.

VIÊN ÂM